

THÔNG TIN

# Khoa học & Công nghệ



Số 4 - 2008 (62)

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH LÂM ĐỒNG - 35 TRẦN HƯNG ĐẠO - ĐÀ LẠT - ĐT: 063.3821377

*Chào mừng kỷ niệm 115 năm*  
**ĐÀ LẠT HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN**  
**(1893 - 2008)**



• **Nghĩ về phong cách người Đà Lạt**

• **Đà Lạt hướng tới đô thị văn minh xanh - sạch - đẹp**

• **Xây dựng đội ngũ tri thức Lâm Đồng trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước**



# Thông tin Khoa học & Công nghệ

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ LÂM ĐỒNG

Số 4.2008

**Tổng biên tập:**

**NGUYỄN MINH TÂM**

**Trình bày:**

**NGUYỄN HỮU THANH, TUỆ**

**Ảnh bìa:**

**BÁ TRUNG**

*Trích ảnh "Toàn cảnh Đà Lạt"*



## TRONG SỐ NÀY

- 1 **Nguyễn Văn Hương** - Xây dựng đội ngũ trí thức Lâm Đồng trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước
- 5 **Phạm Thị Phúc** - Thanh niên với tri thức và sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa địa phương Lâm Đồng
- 7 **Nguyễn Mộng Sinh** - Từ một định nghĩa
- 10 **Trần Sỹ Thứ** - Thực trạng về đội ngũ trí thức Lâm Đồng
- 13 **Hoàng Huy Liệu** - Tăng cường nguồn nhân lực cho hoạt động thú y cấp xã của tỉnh Lâm Đồng
- 15 **Đoàn Văn Việt** - Đà Lạt hướng tới đô thị văn minh xanh - sạch - đẹp
- 17 **Dã Quỳ** - Nghĩ về phong cách người Đà Lạt
- 19 **Ngô Mạnh Phụng** - Alexandre Yersin - Nhà khoa học chân chính
- 21 **Phạm Thị Nhâm** - Quản lý tri thức trong nền kinh tế hội nhập
- 23 **Dương Văn Đông** - Công nghệ sản xuất Iod-131 trên Lò phản ứng hạt nhân Đà Lạt
- 25 Công nghệ cần bán
- 26 **Lê Xuân Thám, Hồ Quang Cua** - Hội nghị quốc tế về chọn giống đột biến bằng kỹ thuật hạt nhân và công nghệ sinh học
- 28 **Nguyễn Hữu Tranh** - ABC Đà Lạt
- 30 **Nguyễn Thọ Biên** - Những cây hoa làm thuốc
- 31 **Nguyễn Hữu Nam** - Khảo sát năng lực cạnh tranh các doanh nghiệp Lâm Đồng



## **XÂY DỰNG ĐỘI NGŨ TRÍ THỨC LÂM ĐỒNG TRONG THỜI KỲ CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA ĐẤT NƯỚC**

**NGUYỄN VĂN HƯƠNG**

*Phó ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Lâm Đồng*

Sau hơn 20 năm thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, đội ngũ trí thức trên địa bàn Lâm Đồng đã có bước phát triển mạnh cả về số lượng, chất lượng và cơ cấu. Kết quả thống kê tính đến ngày 01/7/2007, toàn tỉnh có 20.374 người đạt trình độ từ đại học trở lên, trong đó có 702 người đạt trình độ trên đại học (gồm 605 thạc sĩ, 97 tiến sĩ). Sự tăng nhanh về số người có trình độ đại học trở lên phản ánh yêu cầu phát triển nguồn nhân lực trình độ cao trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế. Cùng với các lực lượng lao động xã hội, đội ngũ trí thức tỉnh đã có nhiều đóng góp quan trọng trong việc thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân, giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội địa phương.

Nhiều kết quả nghiên cứu khoa học xã hội nhân văn đã cung cấp những luận cứ quan trọng cho công tác lãnh đạo, quản lý của tỉnh. Các kết quả nghiên cứu thuộc lĩnh vực khoa học tự nhiên - công nghệ đã phục vụ thiết thực công tác quy hoạch sử dụng đất, phát triển công nghệ bền vững, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh theo hướng hiện đại, tăng nhanh tỷ trọng công nghiệp, dịch vụ trong GDP. Nhóm các kết quả đề tài nghiên cứu phát triển rau, hoa, cây công nghiệp và dược liệu; lựa chọn các giống cây trồng, vật nuôi có năng suất, chất lượng đáp ứng nhu cầu tiêu thụ trong nước và xuất khẩu, đem lại lợi nhuận khá cao cho người sản xuất nông nghiệp. Đặc biệt, các dự án khoa học - công nghệ về nông thôn, miền núi đã thực hiện chuyển giao những tiến bộ kỹ thuật về chăn nuôi, trồng trọt cho đối tượng là đồng bào dân tộc thiểu số, nông dân vùng sâu, giúp bà con

nông dân từng bước áp dụng cách thức làm ăn mới, chuyển dần kinh tế tự cung, tự cấp sang kinh tế hàng hóa, góp phần xóa đói giảm nghèo, cải thiện đời sống, nhiều người đã có tích lũy, làm giàu.

Lực lượng trí thức trên lĩnh vực văn học nghệ thuật đã sáng tạo nhiều tác phẩm văn học, âm nhạc, nhiếp ảnh, điêu khắc, kiến trúc... phản ánh cuộc sống lao động sản xuất, học tập, chiến đấu của các tầng lớp nhân dân, góp phần làm cho đời sống văn hóa, tinh thần trong xã hội ngày càng phong phú, đa dạng.

Trên lĩnh vực giáo dục - đào tạo, đội ngũ trí thức ở các trường học giữ vai trò quyết định trong việc đào tạo nguồn nhân lực, nâng cao dân trí, bồi dưỡng nhân tài phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh của địa phương.

Trong công tác lãnh đạo, quản lý các cấp, lực lượng trí thức tham gia ngày càng đông, nhiều người giữ các cương vị chủ chốt và có vai trò quyết định trong việc nâng cao chất lượng, hiệu quả lãnh đạo, quản lý.

Đạt được những kết quả trên đây, trước hết là nhờ sự nỗ lực khắc phục khó khăn, tinh thần trách nhiệm cao và lòng say mê nghề nghiệp của bản thân đội ngũ trí thức trên địa bàn tỉnh. Đồng thời có sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng, chính quyền các cấp; sự phối hợp chặt chẽ đầy trách nhiệm của Mặt trận và các đoàn thể, nhất là các hội của trí thức trong hệ thống chính trị.

Những đóng góp của đội ngũ trí thức đối với sự phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh của tỉnh là hết sức to lớn và rất đáng trân trọng. Tuy nhiên, so với tiềm năng hiện có, đội ngũ trí thức của tỉnh vẫn còn những



hạn chế, yếu kém đáng quan tâm là:

Số lượng trí thức trên địa bàn tỉnh tương đối lớn nhưng xét về chất lượng, cơ cấu vẫn còn bộc lộ nhiều bất cập so với yêu cầu đòi hỏi của sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội địa phương. Thể hiện sự bất cập rõ nhất là cán bộ có trình độ cao đẳng trở lên làm việc chủ yếu trong lĩnh vực hành chính, sự nghiệp là 18.307/26.850 người, chiếm khoảng 68%, còn trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh, lao động cá thể chỉ có 7.913 người, chiếm khoảng 32%; số người có trình độ trên đại học trong tổng số lao động xã hội chiếm 2,65%; trong đó, số chuyên gia đầu ngành trên các lĩnh vực, nhất là lĩnh vực công nghệ còn nhiều hẫng hụt. Số trí thức lại chủ yếu ở địa bàn đô thị, vùng dân cư tập trung có trình độ phát triển cao. Đặc biệt với một tỉnh có hơn 21% đồng bào dân tộc thiểu số nhưng tỷ lệ người dân tộc thiểu số có trình độ đại học và trên đại học còn rất thấp. Đó là một thực tế phải từng bước khắc phục trong giai đoạn tới.

Chất lượng nghiên cứu các đề tài khoa học công nghệ chưa cao. Số lượng đề tài được áp dụng vào sản xuất, đời sống đem lại hiệu quả cao về kinh tế - xã hội chưa nhiều. Trong khi đó, một số đề tài sau khi nghiêm thu không được đưa vào sử dụng hoặc áp dụng không đem lại hiệu quả thiết thực. Có nhiều lý do dẫn đến chất lượng đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học - công nghệ kém hiệu quả nhưng chủ yếu là do chất lượng nghiên cứu thấp và việc định hướng, lựa chọn đề tài chưa sát với yêu cầu thực tiễn đặt ra. Qua đó phần nào nói lên sự hạn chế của công tác quản lý hoạt động



Thường trực Tỉnh ủy làm việc với đại biểu trí thức

nghiên cứu khoa học và trình độ chuyên môn của đội ngũ các nhà khoa học.

Về lĩnh vực văn học - nghệ thuật, số tác phẩm khá nhiều nhưng chất lượng không cao nên chưa hấp dẫn độc giả.

Về giáo dục - đào tạo, theo số liệu thống kê hàng năm, các mặt giáo dục đều đạt kết quả tương đối cao, nhưng thực tế vẫn còn nhiều điều đáng lo lắng về chất lượng giáo dục toàn diện, giáo dục đạo đức, giáo dục các môn khoa học - xã hội, giáo dục vùng sâu, vùng đồng bào dân tộc thiểu số còn thấp.

Nguyên nhân của những hạn chế có phần khách quan là do nền kinh tế nói chung, trình độ công nghệ các ngành sản xuất của tỉnh nói riêng phát triển chưa cao; môi trường, điều kiện làm việc của trí thức còn nhiều bất cập, chưa phát huy được tiềm năng của đội ngũ trí thức. Tuy nhiên, điều đáng quan tâm là về nguyên nhân chủ quan, một bộ phận trí thức còn tư tưởng tự mãn, nặng chủ nghĩa kinh nghiệm; làm việc vẫn theo lối hành chính bao cấp, tính năng động, sáng tạo bị hạn chế, niềm đam mê, tinh thần trách nhiệm, sự khắc phục khó khăn trong hoạt động nghiên cứu khoa học, sáng tác văn học - nghệ thuật của không ít trí thức chưa cao nên ít tạo được các sản phẩm có giá trị về mặt trí tuệ; cá biệt còn một bộ phận trí thức do sự tác động của mặt trái cơ chế thị trường nên đã đánh mất phẩm cách của người trí thức, làm giảm uy tín trong xã hội.

Từ trước đến nay, thời nào cũng vậy, trí thức luôn được coi trọng, đề cao, nhất là những bậc hiền tài. Trong sự nghiệp cách mạng, Đảng ta luôn đánh giá cao vị trí, vai trò của đội ngũ trí thức, cùng với giai cấp công nhân và nông dân, tạo thành nòng cốt liên minh công - nông - trí thức, lực lượng chủ yếu của cách mạng do Đảng cộng sản Việt Nam lãnh đạo. Đối với tỉnh Lâm Đồng, cấp ủy đảng, chính quyền các cấp trong tỉnh luôn đánh giá cao trí thức bởi những đóng góp to lớn đối với sự phát triển chung của tỉnh. Để tiếp tục phát huy những kết quả đạt được, từng bước khắc phục hạn chế của đội ngũ trí thức trên địa bàn tỉnh, trong thời gian tới, trên cơ sở quán triệt sâu sắc tinh thần Nghị quyết Hội nghị lần 7 Ban chấp hành



Trung ương (khóa X) và Chương trình hành động của Tỉnh ủy Lâm Đồng thực hiện Nghị quyết Trung ương về “*Xây dựng đội ngũ trí thức Lâm Đồng trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa*”, chúng tôi xin đề xuất một số giải pháp cơ bản sau:

1. Muốn xây dựng đội ngũ trí thức đáp ứng yêu cầu cách mạng trong giai đoạn mới, điều quan tâm trước tiên là phải tiên hành quy hoạch và xây dựng kế hoạch tổng thể có tính định hướng về đội ngũ trí thức của tỉnh từ nay đến năm 2020 và tầm nhìn xa hơn. Bất cứ một lĩnh vực nào, để đảm bảo sự phát triển bền vững, có hiệu quả đều phải có quy hoạch và dựa trên một kế hoạch nhất định. Chưa làm tốt công tác quy hoạch, kế hoạch về xây dựng đội ngũ trí thức thì chúng ta khó có thể có được một đội ngũ trí thức đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ đề ra. Để giúp công tác quy hoạch, kế hoạch sát hợp và có tính định hướng lâu dài, các cơ quan chức năng phải tiên hành một cuộc điều tra toàn diện theo những tiêu chí mà công tác quy hoạch, kế hoạch yêu cầu. Nội dung của quy hoạch, kế hoạch xây dựng và phát huy đội ngũ trí thức tỉnh Lâm Đồng phải xác định rõ trên các lĩnh vực: lãnh đạo - quản lý, sản xuất - kinh doanh và trí thức làm công tác chuyên môn khoa học kỹ thuật, văn học - nghệ thuật, giảng dạy. Mỗi nhóm trí thức như vậy phải xác định những tiêu chuẩn cụ thể mang tính đặc trưng. Quy hoạch còn phải dự liệu trước về số lượng, chất lượng, cơ cấu, địa bàn công tác, lĩnh vực hoạt động, điều kiện làm việc... của từng loại hình trí thức. Làm tốt điều này sẽ giúp cho công tác đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng đội ngũ trí thức trong lĩnh vực chủ động, phù hợp, có hiệu quả và hạn chế sự lãng phí hoặc hụt hẫng cán bộ chuyên môn như hiện nay.

2. Phải xác định việc xây dựng và phát huy đội ngũ trí thức trước hết là trách nhiệm của cấp ủy đảng, chính quyền các cấp. Tuy nhiên, Đảng, chính quyền các cấp cũng chỉ thực hiện trách nhiệm của mình thông qua các chủ trương, chính sách, đề ra cơ chế tạo môi trường, điều kiện thuận lợi cho trí thức phát huy năng lực của từng cá nhân, tổ chức và làm việc có hiệu quả; còn việc có xây dựng và phát huy được hay không lại phải tùy thuộc vào sự nỗ lực bản thân từng cá nhân,

tổ chức của đội ngũ trí thức. Do đó, chính đội ngũ trí thức phải tự nhận thức được mặt tích cực, thấy rõ khả năng của mình. Đồng thời cũng tự đánh giá nghiêm túc những hạn chế, khiêm khuyết để có hướng khắc phục. Những yêu cầu, nhiệm vụ xây dựng và phát huy đội ngũ trí thức phải do chính bản thân trí thức, tổ chức của trí thức thông qua các hội chuyên ngành và tổ chức mình đang công tác để đề xuất với cấp ủy, chính quyền; tuyệt nhiên không thụ động, chờ đợi hoặc trách cứ Đảng, Nhà nước.

3. Tạo môi trường, điều kiện thuận lợi để người trí thức phát huy sở trường, năng lực chuyên môn. Chúng ta đừng nghĩ một cách giản đơn rằng: trả lương cao sẽ thu hút được nhiều người tài đến công tác, thực tế không hoàn toàn như thế. Đành rằng thu nhập là rất cần thiết, nhưng điều quan trọng hơn đối với trí thức là điều kiện, môi trường làm việc thuận lợi để phát huy chuyên môn; là thái độ của lãnh đạo các cấp có biết tôn trọng, biết sử dụng đúng tài - đức và phát huy tính dân chủ trong hoạt động khoa học - công nghệ, văn học - nghệ thuật hay không. Từ đó đặt ra vấn đề, các tổ chức đảng, cơ quan nhà nước cần trân trọng lắng nghe ý kiến góp ý xây dựng của trí thức, kể cả những kiến giải khác nhau về học thuật, đích thân các đồng chí lãnh đạo tổ chức gặp gỡ, đối thoại cởi mở, chân thành, với thái độ tin cậy và thực sự lắng nghe, giúp trí thức hiểu biết kịp thời, đầy đủ về đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, tiếp cận thực tiễn đất nước, địa phương, nâng cao giác ngộ chính trị và ý thức trách nhiệm công dân.

4. Một trong những giải pháp hết sức quan trọng để xây dựng và phát huy đội ngũ trí thức là phải lấy kết quả cống hiến thực tế để đánh giá tài năng, uy tín của từng cá nhân và tổ chức, trong đó tính sáng tạo và hiệu quả tác động là quan trọng nhất. Tiêu chí đánh giá phải xuất phát từ các lĩnh vực mà trí thức hoạt động, có thể chia thành các nhóm chính: lãnh đạo - quản lý; sản xuất - kinh doanh; nghiên cứu khoa học, ứng dụng công nghệ, sáng tác văn học - nghệ thuật; giảng dạy - truyền bá trí thức. Việc đánh giá trí thức thông qua hiệu quả công tác sẽ hạn chế được tình trạng đánh giá mang tính biểu kiến, thuần túy thông qua



bằng cấp dẫn đến tiêu cực trong thi cử, mua bán bằng cấp, làm xuất hiện nhiều “*tiến sĩ giấy*” đang là điều nhức nhối trong xã hội. Để giải pháp này được thực thi có hiệu quả, đòi hỏi phải đổi mới hoạt động nghiên cứu khoa học - công nghệ, giáo dục đào tạo, hình thành thị trường khoa học công nghệ... đảm bảo những người thực sự có đức - tài sẽ được trọng dụng và phát huy; khuyến khích trí thức tiên thân bằng con đường đi sâu vào lĩnh vực chuyên môn, sống và làm giàu bằng chính chuyên môn của mình.

5. Đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động của tổ chức Liên hiệp các Hội Khoa học - Kỹ thuật, Hội Văn học - Nghệ thuật của tỉnh và các hội trí thức chuyên ngành là một trong những giải pháp hàng đầu nhằm tập hợp rộng rãi và phát huy khả năng đóng góp của đội

ngũ trí thức đối với nhiệm vụ chính trị của tỉnh. Các hội của trí thức phải xác định và triển khai được những nhiệm vụ chuyên môn, hình thức sinh hoạt học thuật... qua đó mới tập hợp và phát huy năng lực của trí thức. Một trong những nhiệm vụ chính trị quan trọng của các hội trí thức là tham gia tư vấn, phản biện và giám định xã hội, nhất là các chương trình, dự án lớn liên quan đến nhiều lĩnh vực, đời sống của nhân dân. Để thực hiện tốt nhiệm vụ này, các tổ chức hội phải tập hợp được những nhà khoa học, công nghệ, văn nghệ sỹ, các nhà hoạt động chính trị - xã hội - văn hóa - quốc phòng - an ninh, các nhà quản lý có uy tín... và tổ chức sinh hoạt có nề nếp. Đồng thời, chính quyền các cấp phải tạo được hành lang pháp lý; có cơ chế và tổ chức thích hợp để đội ngũ trí thức tham gia công tác này. ■

## TĂNG CƯỜNG NGUỒN NHÂN LỰC CHO HOẠT ĐỘNG THÚ Y CẤP XÃ

(Tiếp theo trang 14)

sở, cần tiếp tục quan tâm giải quyết các vấn đề, đó là:

*Thứ nhất*, cần có quy chế quản lý hoạt động cụ thể, thống nhất trong toàn tỉnh. Bước đầu ngành thú y có được lực lượng ở cấp xã nhưng quy chế quản lý hoạt động, mối quan hệ công tác giữa Trung tâm Nông nghiệp huyện, UBND xã với nhân viên thú y xã chưa được cụ thể, rõ ràng; chưa thống nhất giữa các huyện nên hiệu quả hoạt động chưa đáp ứng được yêu cầu đề ra.

*Thứ hai*, giải quyết chế độ hỗ trợ cho nhân viên thú y xã đầy đủ, kịp thời. Nguồn kinh phí để hỗ trợ cho nhân viên thú y xã đã được Sở Tài chính cân đối từ đầu năm cho các huyện nhưng đến nay, một số huyện chưa chuyển về cho Trung tâm Nông nghiệp huyện; một số huyện lại chuyển kinh phí về cho UBND cấp xã để chi trả. Do vậy, hiện nay, một số huyện chưa chi hỗ trợ; một số xã chi hỗ trợ không đúng mức quy định (thấp hơn mức hệ số 1,0) gây những tâm tư và ảnh hưởng đến sự nhiệt tình của nhân viên thú y.

*Thứ ba*, tiến hành ngay các lớp đào tạo, tập huấn để bồi dưỡng nâng cao năng lực cho nhân viên thú y xã, tạo nguồn nhân lực làm công tác viên thú y tại các thôn, khu phố, trang trại chăn nuôi như:

- Mở các lớp tập huấn cho nhân viên thú y xã đã được ký hợp đồng về Pháp lệnh Thú y; chức năng, nhiệm vụ, quan hệ công tác của nhân viên thú y xã, quy chế hoạt động, kỹ năng tuyên truyền, viết tin, chuyển giao khoa học kỹ thuật; phát hiện, báo cáo ổ dịch tại địa phương; thông tin về các loại dịch bệnh nguy hiểm và biện pháp phòng chống.

- Mở các lớp tập huấn, đào tạo mới về nghề thú y cho công tác viên thú y. Mỗi xã hiện nay mới chỉ có 01 nhân viên thú y, còn tại các thôn, khu phố, cơ sở chăn nuôi chưa có đủ công tác viên và chưa được tổ chức hoạt động, nhất là ở các xã vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc. Chi cục Thú y và Trung tâm Nông nghiệp cấp huyện cần tiến hành mở các lớp đào tạo này để phát triển nguồn nhân lực khoa học kỹ thuật phục vụ nông nghiệp, nông thôn. ■



## THANH NIÊN VỚI TRI THỨC VÀ SỰ NGHIỆP CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA ĐỊA PHƯƠNG LÂM ĐỒNG

**PHẠM THỊ PHÚC**

*Phó Bí thư tỉnh đoàn Lâm Đồng*

Tuổi trẻ là mùa xuân của cuộc đời, thanh niên là mùa xuân của đất nước. Thanh niên là hạnh phúc của mỗi gia đình và là niềm tin cậy của xã hội. Sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa là con đường tất yếu đưa nước ta thoát khỏi nghèo nàn, lạc hậu so với khu vực và thế giới. Dân số nước ta được xếp vào loại dân số trẻ, lứa tuổi thanh, thiếu nhi hôm nay sẽ là lực lượng lao động cơ bản của đất nước trong 10 đến 15 năm tới. Do vậy, đầu tư phát triển nguồn nhân lực thanh niên, phát huy vai trò, thế mạnh của thanh niên chính là đầu tư cho phát triển đất nước. Chính lực lượng trẻ hôm nay là lớp người tiến hành sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước trong tương lai.

Công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước là một quá trình phát triển từ trình độ thấp lên trình độ cao của toàn xã hội với 3 yếu tố quan trọng nhất là: văn hóa; môi trường cho sự phát triển và tri thức. Trong 3 yếu tố căn bản trên thì văn hóa làm nền cho sự phát triển, môi trường cho sự phát triển là yếu tố quyết định còn tri thức là động lực của sự phát triển. Ở cả 3 yếu tố trên, chúng ta đều thấy yếu tố nào cũng cần có vai trò của thanh niên, lớp người giàu tiềm năng cần được sử dụng có hiệu quả, đặc biệt là trong yếu tố tri thức.

Quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nước ta đang diễn ra trong điều kiện nền kinh tế tri thức đang phát triển nhanh chóng và sâu rộng. Kinh tế tri thức là nền kinh tế của thời hậu công nghiệp. Trong nền kinh tế tri thức, việc phổ cập và sử dụng tri thức giữ vai trò quyết định nhất đối với sự phát triển kinh tế,

tạo ra của cải, nâng cao chất lượng cuộc sống, hay nói cách khác trong nền kinh tế tri thức, khoa học, công nghệ, kỹ thuật trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp, là yếu tố quyết định hàng đầu việc sản xuất ra của cải vật chất cho xã hội. Nền kinh tế tri thức có mối quan hệ hữu cơ với thanh niên. Thanh niên gắn với kinh tế tri thức như một tất yếu khách quan, bởi vì không ai khác mà chính thanh niên là lớp người tiếp cận, khám phá, sáng tạo và làm chủ khoa học, công nghệ phục vụ cho sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Nói đến kinh tế tri thức, người ta thường nghĩ đến thế hệ trẻ và nói đến nhiệm vụ của thế hệ trẻ, người ta thường gắn với kinh tế tri thức và sứ mệnh đưa đất nước thoát khỏi nghèo nàn, lạc hậu.

Công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế tri thức đòi hỏi thanh niên phải có hoài bão lớn, có tri thức, có năng lực tiếp thu và sáng tạo về khoa học công nghệ, có trình độ học vấn, chuyên môn nghiệp vụ, năng lực hội nhập quốc tế. Thanh niên phải có đạo đức cách mạng, sống có lý tưởng, có sức khỏe cả về thể chất và tinh thần để xứng đáng là lực lượng xung kích trong xây dựng, bảo vệ tổ quốc.

Lâm Đồng là một tỉnh miền núi có địa bàn rộng, địa hình khó khăn, trình độ thanh niên cũng còn nhiều bất cập. Dưới sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng, sự tạo điều kiện và hỗ trợ của các cấp chính quyền, ban, ngành đoàn thể, với sự nhiệt tình, năng động, sáng tạo của đội ngũ cán bộ đoàn, công tác đoàn và phong trào



thanh thiếu nhi tình nhà trong thời gian qua có nhiều tiến bộ và chuyển biến tích cực. Thông qua các phong trào “*Thanh niên lập nghiệp*”, “*Tuổi trẻ giữ nước*” đã cổ vũ hàng trăm ngàn thanh niên vào các hoạt động rèn đức, luyện tài, lập nghiệp giữ nước. Nhiều phong trào lớn đã được cụ thể hóa phù hợp với từng đối tượng, từng vùng như thanh niên, học sinh, sinh viên với chương trình “*Học tập rèn luyện vì ngày mai lập nghiệp*”... Thanh niên công nhân tham gia phát triển công nghiệp, dịch vụ với *phong trào CKT* (chất lượng, kiểu dáng, tiết kiệm), phong trào “*Sáng tạo trẻ*”, các hoạt động sáng tạo, cải tiến kỹ thuật, hội thi thợ giỏi... Thanh niên nông thôn với chương trình “*Tham gia phát triển nông nghiệp, nông thôn*” với nhiều nội dung thiết thực như tham gia tập huấn khoa học kỹ thuật, áp dụng tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất, tham gia xây dựng nông thôn mới. Ngày càng xuất hiện nhiều gương điển hình tham gia phát triển kinh tế xã hội. Nhiều trang trại trẻ tiêu biểu góp phần giải quyết việc làm tại chỗ, nâng cao thu nhập, đời sống cho thanh niên nông thôn. Thanh niên lực lượng vũ trang phát huy vai trò xung kích qua các phong trào “*Xứng danh bộ đội cụ Hồ*” trong thanh niên quân đội và “*Thực hiện 6 điều Bác Hồ dạy*” trong thanh niên công an. Thanh niên công chức, viên chức với *Phong trào xung kích đi đầu* trong thực hiện nhiệm vụ chuyên môn; xung kích



Chương trình “*Một triệu giờ đồng hành*”  
phổ cập tin học, nói mạng tri thức cho thanh niên

trong cải cách hành chính... Đặc biệt, *Phong trào thanh niên tình nguyện* được triển khai mạnh mẽ trong các đối tượng thanh niên đã thực sự phát huy tiềm năng và thể mạnh của thanh niên Lâm Đồng trên các lĩnh vực.

Trong suốt tiến trình lịch sử của dân tộc, tuổi trẻ Việt Nam luôn thể hiện rõ vai trò xung kích, sáng tạo của mình trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ tổ quốc. Ở Lâm Đồng cũng vậy, các thế hệ thanh niên luôn để lại những dấu ấn nhất định trong quá trình phát triển quá địa phương.

Quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa địa phương, đất nước trong giai đoạn mới đòi hỏi và kỳ vọng rất nhiều ở thanh niên. Đại hội đại biểu Đoàn TNCS Hồ Chí Minh tỉnh Lâm Đồng (khóa VIII), nhiệm kỳ 2007 - 2012 đã xác định hai phong trào lớn nhằm phát huy vai trò của thanh niên vào sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Đó là *phong trào 5 xung kích* tham gia phát triển kinh tế xã hội, đảm bảo an ninh quốc phòng; xung kích lao động sáng tạo; xung kích tình nguyện vì cuộc sống cộng đồng; xung kích bảo vệ tổ quốc, giữ gìn trật tự an toàn xã hội; xung kích thực hiện cải cách hành chính; xung kích trong hội nhập kinh tế quốc tế. Đồng thời, Đoàn thanh niên các cấp phải huy động nguồn lực để thực sự đồng hành với thanh niên trên con đường lập thân, lập nghiệp thông qua *phong trào 4 đồng hành* với thanh niên trong: học tập nâng cao trình độ học vấn chuyên môn nghiệp vụ; nghề nghiệp và việc làm; nâng cao sức khỏe thể chất và đời sống văn hóa tinh thần; kiến thức và kỹ năng hoạt động xã hội.

Với sự kỳ vọng và tin tưởng của các cấp ủy đảng, chúng ta tin tưởng rằng đoàn viên thanh niên tình nhà sẽ vượt lên mọi khó khăn, thử thách, tranh thủ thời gian học tập, lao động sáng tạo, tích cực tu dưỡng rèn luyện đạo đức cách mạng, trau dồi kỹ năng hình thành nguồn nhân lực trẻ đủ sức, đủ tài phục vụ cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa địa phương, đất nước. ■



## TỪ MỘT ĐỊNH NGHĨA

**PGS.TS. NGUYỄN MỘNG SINH**

*Chủ tịch Liên hiệp các hội Khoa học Kỹ thuật Lâm Đồng*

"Tri thức là những người lao động trí óc, có trình độ học vấn cao về lĩnh vực chuyên môn nhất định, có năng lực tư duy độc lập, sáng tạo, truyền bá và làm giàu tri thức, tạo ra những sản phẩm tinh thần và vật chất có giá trị đối với xã hội".

*(Văn kiện Hội nghị lần thứ 7 Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa X)*

Con người cần không khí để thở, cần nước để uống, cần có cái ăn, cái mặc, cái nhà để ở. Đó là những nhu cầu tối thiểu cho sự tồn tại. Song muốn tồn tại thì phải lao động. Để sống và lao động lại cần tri thức. Tri thức cần cho lao động cơ bắp (lao động chân tay) bao nhiêu thì lại càng không thể thiếu được bấy nhiêu, thậm chí phải hàng chục, hàng trăm lần hơn, cho lao động trí óc.

Không khí, nước, thức ăn là nguồn năng lượng cho cơ thể, cho hoạt động cơ bắp và trí não. Nhưng tri thức mới chính là nguồn năng lượng, nguồn nguyên liệu cho tư duy. Nếu cách thở, cách uống, cách ăn cùng với cơ địa và lối sống của mỗi người có tác động quyết định đến việc hấp thu, sử dụng năng lượng của cơ thể thì cách tiếp cận tri thức, tích lũy tri thức, sử dụng tri thức, tiêu hóa tri thức hấp thu được, làm giàu tri thức và sáng tạo tri thức sẽ là những yếu tố quyết định đến bản chất, năng lực và hoạt động tư duy. Có lẽ cũng chính vì thế nên tồn tại một số kiểu hoặc phong cách tư duy.

Tư duy thụ động là kiểu tư duy có thứ bậc thấp nhất trong thang phân loại tư duy. Tiếp đó chắc phải kể đến tư duy bắt chước, rập khuôn. Cao hơn một chút là kiểu tư duy máy móc, hay là tư duy kinh viện, kinh nghiệm chủ nghĩa. Đặc trưng chủ yếu nhất của những kiểu tư duy này có lẽ là sự nghèo nàn, hạn chế về vốn tri thức. Với cách tư duy như vậy, con người chỉ có thể hành động, làm việc theo những hình mẫu có sẵn, những chỉ dẫn có sẵn. Bằng lao động của mình, người ta vẫn có

thể cung cấp cho xã hội những sản phẩm tinh thần và vật chất. Tuy nhiên, những sản phẩm này thường không có tính mới, tính độc đáo, sáng tạo và do đó, mức giá trị của chúng bao giờ cũng thấp.

Trong việc đi tìm những lời giải cho nhiều vấn đề đặt ra của thực tiễn bất luận thuộc lĩnh vực nào: khoa học tự nhiên, khoa học kỹ thuật, công nghệ, khoa học xã hội - nhân văn hoặc các lĩnh vực bảo vệ môi trường, phát triển kinh tế xã hội thường thấy xuất hiện một kiểu tư duy có thể gọi là tư duy phiến diện. Nguồn gốc sâu xa hình thành kiểu tư duy này là sự phân nhánh quá sâu của khoa học - kỹ thuật và công nghệ cùng với cách thức đào tạo theo kiểu phân ngành quá hẹp của các hệ thống đào tạo. Việc đào tạo nguồn nhân lực theo kiểu quá chuyên sâu và theo phân ngành quá hẹp được nhiều học giả trên thế giới coi là một trong những vấn đề tồn tại và là nhược điểm của nền giáo dục thế giới trong thế kỷ XX. Tác động tiêu cực của kiểu tư duy phiến diện này càng được phát huy và nhân lên gấp bội khi được kết hợp với tính chủ quan, tự





mãn, sự không cầu thị, phục thiện và bất hợp tác của người có tư duy như vậy ở những môi trường không có phong cách làm việc theo nhóm, làm việc tập thể và không có nhu cầu về tư vấn, phản biện.

Một khía cạnh khác cũng cần được nhắc đến khi nói về tư duy: đó là khả năng lạc hậu của tư duy. Tư duy của con người, thậm chí của những học giả, chuyên gia được đào tạo rất kỹ lưỡng, có trình độ học vấn cao, đã tích lũy cho mình một vốn kiến thức lớn trong quá khứ, cũng đều chịu nguy cơ bị lạc hậu. Đó chính là vì vốn tri thức của nhân loại không ngừng tăng lên theo cấp số nhân cả về khối lượng lẫn chất lượng. Quá trình này cùng với việc xuất hiện ngày càng nhiều những hiện tượng mới mẻ chưa có tiền lệ trong sự thay đổi của môi trường, của xã hội loài người, của các mối quan hệ kinh tế - xã hội, của con người trong từng quốc gia và giữa các quốc gia với nhau thời hội nhập mở cửa dễ làm cho tư duy bị lạc hậu nếu không được tiếp cận, không được hấp thụ, bổ sung những tri thức mới. Do đó rất cần "*học, học nữa, học mãi*", phải học suốt đời và phải tạo ra một xã hội học tập. Năng lực tư duy độc lập gần như tỷ lệ thuận với vốn tri thức, năng lực tiếp thu và sử dụng tri thức.

\*\*\*

Thế giới đã thực sự bước vào và đang phát triển ngày càng mạnh nền kinh tế tri thức, tức là nền kinh tế mà trong đó hàm lượng tri thức đóng góp tỷ trọng đáng kể vào giá trị của sản phẩm.

Khi đất nước chúng ta mở cửa, hội nhập, nhất là sau 2 năm gia nhập Tổ chức thương mại quốc tế (WTO), chúng ta ngộ ra được khá nhiều điều dù có thể chưa thật đầy đủ và chưa thật sâu sắc. Một trong cái "ngộ" ấy là sự khác nhau giữa nước nghèo, người nghèo với nước giàu, người giàu không chỉ vì vốn liếng tư bản mà còn vì tri thức và sự sử dụng tri thức. Khoảng cách về tri thức, về năng lực tạo ra tri thức đã trở thành một trong những vấn đề cốt lõi của hội nhập. Giữa các nước phát triển và các nước còn lại khoảng cách này có nguy cơ ngày càng xa và việc san lấp nó cực kỳ không dễ dàng.

Đối với các nước đang phát triển, hai loại tri thức sau đây có ý nghĩa quan trọng sống còn: thứ nhất là tri thức về công nghệ (còn gọi là tri thức kỹ thuật hay tri thức về bí quyết kỹ thuật); thứ hai là tri thức về những thuộc tính (những vấn đề về thông tin). Có thể có được loại tri thức thứ nhất nếu biết cách tiếp cận, khai thác kho dự trữ toàn cầu về tri thức. Còn loại tri thức thứ hai phải được sản sinh tại chỗ và thường xuyên được đổi mới.

Cần thiết phải có hình dung thật rõ rằng việc khai thác lợi thế của kho dự trữ tri thức toàn cầu dưới dạng bí quyết kỹ thuật và công nghệ chỉ thực sự có hiệu quả trên cơ sở phát triển năng lực công nghệ để tìm kiếm công nghệ thích hợp, để lựa chọn, hấp thụ công nghệ, làm cho công nghệ nhập khẩu được thích nghi với những điều kiện của địa phương.

Tương tự như vậy, tiến bộ trong giáo dục, chăm sóc sức khỏe, khuyến nông, bảo vệ môi trường, khai thác sử dụng tài nguyên thiên nhiên... đều đòi hỏi tri thức của địa phương và không thể có được đơn thuần bằng cách nhập khẩu.

Từ đó cho thấy các giải pháp mang tính chiến lược trong việc rút ngắn khoảng cách cũng như tạo lập vị trí bình đẳng ở "*sân chơi toàn cầu*" là:

- Có được và thích nghi tri thức toàn cầu và tạo ra tri thức địa phương.

- Đầu tư vào những công nghệ tạo điều kiện dễ dàng cho cả việc thu nhận lẫn hấp thụ tri thức, sản sinh tri thức mới.

- Đầu tư vào nguồn vốn con người, đặc biệt nguồn nhân lực chất lượng cao để tăng năng lực hấp thụ và sử dụng tri thức, năng lực sáng tạo tri thức mới.

- Sử dụng tri thức, đặc biệt là tri thức mới ắt sẽ tạo ra được những sản phẩm mới, những sản phẩm tinh thần và vật chất có chất lượng cao, có giá trị cho xã hội.

\*\*\*

Truyền bá và làm giàu tri thức được khẳng định như một thuộc tính của tri thức. Suy nghĩ cho cùng thì đây còn là nghĩa vụ tinh thần, là nhiệm vụ chính trị của người trí thức. Được xã hội tạo điều kiện và thông qua sự cố gắng



nỗ lực của bản thân người trí thức thường tạo dựng, tích lũy cho mình vốn tri thức đáng kể. Đa phần vốn tri thức này được rút tía, được lấy bằng những con đường khác nhau từ kho tàng tri thức của nhân loại, tri thức toàn cầu, kho tàng tri thức của quốc gia, dân tộc. Chỉ có một phần nào đó là do cá nhân sáng tạo ra. Như vậy, người trí thức không chỉ là “hiền tài”, là “nguyên khí của quốc gia” mà còn là “con nợ có tâm cỡ” của xã hội. Có nợ ắt phải trả và không ít khi trả suốt cuộc đời vẫn chưa hết nợ! Cách trả nợ tri thức có ích nhất là truyền bá tri thức. Có lẽ chính vì thế nên việc tham gia trực tiếp đào tạo nguồn nhân lực, nâng cao dân trí và bồi dưỡng nhân tài được coi là một loại hình hoạt động đặc thù của trí thức.

Xã hội ta đã và luôn trân trọng những nhà giáo, những người thầy vì đã ăn sâu vào tiềm thức chân lý “không thầy đố mày làm nên”.

Tuy nhiên, trong thời đại công nghệ thông tin, với việc bùng phát Internet và các thiết chế cung cấp trao đổi thông tin đa dạng, phong phú khác, cách truyền bá tri thức của những người được xã hội ủy thác trách nhiệm làm nhà giáo - người thầy phải được thay đổi một cách cơ bản. Không thể tiếp tục đi theo lối mòn xưa là nhồi nhét kiến thức cho học trò, bắt họ ghi nhớ trong não bộ không ít những điều vô bổ không liên quan đến những gì họ gặp trong cuộc sống, hoặc buộc họ thừa nhận một mớ lý thuyết giáo điều chỉ tồn tại trong sách vở.

Cách tiếp cận thông tin toàn cầu không còn quá trở ngại đối với những người biết ngoại ngữ thông dụng và nắm được những kỹ năng thao tác cơ bản về máy vi tính hoặc biết tra cứu những nguồn tư liệu có liên quan. Như vậy, vấn đề mấu chốt còn lại là ở phương pháp thu thập và xử lý thông tin. Sau hết, đó là phương pháp tư duy dựa vào nguồn kiến thức thu thập và tích lũy được. Chính ở đây sẽ thể hiện vai trò rõ ràng nhất của người thầy.

Bản về “Bảy tri thức tất yếu cho nền giáo dục tương lai”(\*), Edgar Morin cho rằng trong cuộc chiến sống còn để bảo vệ sự sáng suốt của trí tuệ, để con người định vị, định hướng tốt cho mình trong cuộc sống, trong hành động, rất cần khắc phục sự bất tương

thích càng lúc càng lớn, càng sâu, càng trầm trọng giữa một mặt là những tri thức rời rạc manh mún, khu biệt và mặt khác là những thực tế hay vấn đề ngày càng trở nên đa ngành, liên ngành, đa chiều, đa quốc gia, toàn bộ, toàn cầu.

Do đó, những vấn đề có tính chiến lược, cốt lõi trong giáo dục đào tạo, trong tổ chức và truyền bá tri thức phải nhằm:

- Phát triển một nhận thức với khả năng nắm bắt những vấn đề tổng quát, cơ bản để đặt vào trong đó những nhận thức từng phần và địa phương. Phát triển thứ nhận thức có khả năng nắm bắt những đối tượng riêng lẻ cụ thể trong bối cảnh, tổ hợp, trong tổng thể cấu trúc hệ thống của chúng. Phát triển năng lực tự nhiên của đầu óc con người trong việc đặt tất cả những thông tin con người có được vào một bối cảnh và một tổng thể cho trước.

- Cung cấp những phương pháp cho phép nắm bắt được những tương quan và những ảnh hưởng, tương tác qua lại giữa các bộ phận và toàn bộ trong một thế giới phức hợp.

- Cung cấp những tri thức về bản chất và hoàn cảnh của con người hiện nay, về căn cước địa cầu, về thời đại toàn cầu với tất cả những đặc trưng phức hợp, hổ tương, liên đới, nhất thể của bản thân mỗi con người cũng như cả nhân loại.

- Vũ trang cho con người những tri thức, nguyên tắc chiến lược và kỹ năng cho phép đương đầu với những bất ngờ, đột biến, bất định mà con người gặp phải trong cuộc sống; cho phép tự điều chỉnh hành vi theo những thông tin và nhận thức thích đáng.

- Làm cho con người thông cảm với nhau; sự thông cảm phải vừa là phương tiện, vừa là mục đích của mối quan hệ giữa con người với nhau, cùng nhau hướng đến đạo lý của nhân loại.

\*\*\*

Thế đấy, định nghĩa là khá ngắn gọn, xúc tích nhưng chứa đựng bao điều đáng được suy ngẫm!

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

(\*) Edgar Morin. *Bảy tri thức tất yếu cho nền giáo dục tương lai*. NXB Tri thức, Hà Nội, 2008.



## THỰC TRẠNG VỀ ĐỘI NGŨ TRÍ THỨC LÂM ĐỒNG

**TRẦN SỸ THỨ**

*Phó chủ tịch Hội khoa học phát triển nguồn nhân lực nhân tài tỉnh Lâm Đồng*

**T**rí thức xưa và nay có vị trí cực kỳ quan trọng. Thế nào là trí thức? Họ là một tầng lớp hay một đội ngũ, một giai cấp? Vấn đề này có nhiều ý kiến khác nhau, nhưng chúng ta có thể hiểu những đặc trưng cơ bản của người trí thức là: lao động bằng trí óc; tự học hoặc được đào tạo trình độ cao; có khả năng sáng tạo và truyền bá; có tư duy độc lập và năng lực phản biện...

Đội ngũ trí thức có mặt ở nhiều ngành, nhiều lĩnh vực và có vị trí khác nhau trong

hoạt động kinh tế - chính trị - xã hội - an ninh quốc phòng của cả nước cũng như của từng địa phương. Họ có thể là một người lãnh đạo Đảng, nhà nước, quân đội, một nhà bác học, kỹ sư, bác sĩ, dược sĩ, giáo sư, thầy cô giáo; họ có thể họ là nhà báo, luật sư, văn nghệ sĩ hoặc doanh nhân...

Theo số liệu của Cục Thống kê tỉnh Lâm Đồng, ở thời điểm 01/7/2007, lao động xã hội có trình độ đại học, trên đại học của tỉnh phân theo đơn vị hành chính như sau:

STT	Tên đơn vị hành chính	Tổng số lao động xã hội	Trong đó		
			Đại học	Thạc sĩ	Tiến sĩ
1.	Thành phố Đà Lạt	68.825	8.633	498	90
2.	Thị xã Bảo Lộc	63.074	2.642	45	2
3.	Huyện Đam Rông	16.005	282	0	0
4.	Huyện Lạc Dương	8.865	414	5	0
5.	Huyện Lâm Hà	70.092	1.183	5	1
6.	Huyện Đơn Dương	43.040	901	7	1
7.	Huyện Đức Trọng	71.271	1.684	19	2
8.	Huyện Di Linh	77.312	1.531	11	0
9.	Huyện Bảo Lâm	55.831	1.047	7	0
10.	Huyện Đạ Huoai	16.460	407	3	1
11.	Huyện Đạ Tẻh	23.914	491	2	0
12.	Huyện Cát Tiên	20.202	457	3	0
	<b>Toàn tỉnh</b>	<b>534.891</b>	<b>19.672</b>	<b>605</b>	<b>97</b>

Như vậy, ở Lâm Đồng cứ 1.000 lao động thì có 3,7 lao động có trình độ tốt nghiệp đại học; cứ 10 ngàn lao động thì có 2 tiến sĩ và 12 thạc sĩ. Phần lớn họ công tác ở các đơn vị hành chính sự nghiệp. Trong tổng số gần 20 ngàn người có trình độ đại học thì có 5.017 người đang lao động tại 1.300 doanh nghiệp vừa và nhỏ; 2.032 người đang làm việc ở lĩnh vực sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản; 1.400 người làm việc ở khu vực kinh tế cá thể.

Có thể nói đội ngũ trí thức Lâm Đồng

trong thời gian qua có sự phát triển cả về số lượng, cơ cấu cũng như chất lượng. Tùy theo cương vị công tác và hoạt động ở các ngành, lĩnh vực khác nhau, đội ngũ trí thức Lâm Đồng, đặc biệt là những trí thức ở cương vị lãnh đạo, chủ các doanh nghiệp đã cùng hơn nửa triệu lao động xã hội cũng như cả hệ thống chính trị đóng góp quyết định cho sự nghiệp phát triển kinh tế - chính trị - xã hội và giữ vững an ninh quốc phòng. Tổng sản phẩm xã hội và giá trị tăng thêm hàng năm tăng với tốc độ cao. Kim ngạch xuất khẩu



tăng nhanh: năm 2005 đạt 133,6 triệu USD; năm 2006 đạt 160,3 triệu USD; năm 2007 đạt 196,8 triệu USD. Thung sản đạt trên 2.000 tỉ đồng/năm. Đầu tư xã hội tăng nhanh. Đời sống vật chất và tinh thần sau hơn 20 năm đổi mới được nâng lên rõ rệt.

Công tác nghiên cứu khoa học và công nghệ bước đầu thu được một số kết quả nhất định. Trong 10 năm (1996-2005), trên địa bàn cấp tỉnh đã có trên 200 đề tài, dự án khoa học và công nghệ được triển khai (trong đó có 40 đề tài, dự án thuộc lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn), thu hút được một lực lượng đông đảo trí thức tích cực đóng góp trí tuệ vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Một số đề tài đã được đánh giá cao về mặt lý luận và thực tiễn. Trang web điện tử Lâm Đồng đã có trên 1,3 triệu lượt người truy cập. Nhiều đề tài, dự án đã cung cấp được các luận cứ khoa học phục vụ cho việc xây dựng các chủ trương, chính sách của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh về phát triển kinh tế - xã hội, góp phần quan trọng vào việc nâng cao năng lực quản lý điều hành và tổ chức thực hiện ngày càng có hiệu quả nhiệm vụ chính trị của từng ngành, địa phương, đơn vị.

Trên lĩnh vực văn học nghệ thuật, hơn 200 văn nghệ sĩ, thuộc 6 chi hội của Hội Văn học Nghệ thuật Lâm Đồng cũng có nhiều đóng góp và sáng tạo. Họ đã tự khẳng định mình để phát triển. Hoạt động sáng tạo văn học đã có những khởi sắc. Trong 5 năm (2001-2006), đã có 118 ấn phẩm được xuất bản, trong đó có 18 cuốn tiểu thuyết và truyện ngắn, 6 tập lý luận phê bình, 66 tập thơ. Hoạt động sáng tạo âm nhạc, sân khấu và biểu diễn có nhiều ấn tượng. Các nhạc sĩ sáng tác tương đối đều tay, một số tác phẩm đạt giải thưởng cao của Ủy ban toàn quốc Liên hiệp các Hội Văn học Nghệ thuật và của Hội Âm nhạc Việt Nam. Đoàn ca múa nhạc dân tộc Lâm Đồng, Trung tâm văn hóa thành phố Đà Lạt và các huyện, thị xã cũng như các đoàn văn nghệ quần chúng đã khai thác và biểu diễn nhiều tiết mục mang đậm bản sắc các dân tộc Tây Nguyên. Hoạt động sáng tạo mỹ thuật tiếp tục phát triển và được đánh giá cao. Hoạt động nhiếp ảnh có

nhiều đóng góp tích cực, tạo tiếng vang trong nước và quốc tế...

Sự nghiệp giáo dục có những chuyển biến quan trọng. Đội ngũ trí thức là thầy cô giáo cũng như công nhân viên chức trong ngành giáo dục đã cùng toàn Đảng toàn dân tích cực hưởng ứng cuộc vận động *hai không* và bước đầu có những kết quả khả quan. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp phổ thông cấp cơ sở, phổ thông trung học hàng năm của tỉnh xếp loại khá trong cả nước. Các trường trung học chuyên nghiệp, Trung tâm tại chức, trường Cao đẳng nghề, Cao đẳng sư phạm Đà Lạt, Đại học Yersin, Đại học Đà Lạt mỗi năm đã đào tạo hàng vạn lao động có tay nghề cho xã hội.

Lực lượng cán bộ y tế với hơn 2.300 người, trong đó có 625 bác sĩ và cán bộ y tế có trình độ đại học đang công tác trực tiếp tại 185 cơ sở y tế với 2.551 giường bệnh ở tất cả các tuyến. Vì vậy, công tác phòng và chữa bệnh đã được nâng lên một bước.

Đội ngũ trí thức Lâm Đồng công tác trong lĩnh vực báo chí đã không ngừng đổi mới nội dung và hình thức tuyên truyền, tăng số lượng và kỳ phát hành báo viết; tăng thời lượng phát sóng truyền thanh, truyền hình. Công nghệ, kỹ thuật làm báo mới đã được ứng dụng. Đội ngũ phóng viên, biên tập viên không ngừng nâng cao về chất lượng. Các cơ quan báo chí địa phương ngày càng khẳng định vị thế của mình, góp phần quan trọng vào việc thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội địa phương.

Bên cạnh những ưu điểm và đóng góp to lớn của đội ngũ trí thức Lâm Đồng, đứng trước yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, chúng ta phải mạnh dạn nhìn thẳng vào sự thật, nhận dạng đúng những khiếm khuyết và yếu kém của đội ngũ trí thức Lâm Đồng, tìm ra những mặt hạn chế trong công tác lãnh đạo, quản lý, xây dựng đội ngũ trí thức của cấp ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp, góp phần vào việc chống tụt hậu về tri thức, xây dựng được một đội ngũ trí thức đáp ứng được yêu cầu cách mạng trong giai đoạn mới.



Với số lượng gần 20 ngàn người tốt nghiệp đại học đang hoạt động trong các ngành kinh tế - xã hội của một tỉnh miền núi Tây Nguyên là đáng phấn khởi, nhưng so với cả nước thì tỷ lệ người có trình độ tốt nghiệp đại học vẫn còn thấp. Cả nước cứ 1.000 lao động xã hội thì có 4,5 người có trình độ đại học (\*). Cơ cấu vẫn còn chưa hợp lý, thiếu trầm trọng những chuyên gia, cán bộ đầu ngành, chủ tịch các huyện giỏi. Phần lớn trí thức tập trung ở các đô thị. Các vùng sâu, vùng xa cũng như khu vực doanh nghiệp, người có trình độ đại học còn rất ít.

Thu nhập bình quân của một trí thức cũng như người lao động ở Lâm Đồng còn thấp so với các tỉnh lân cận. Công chức là trí thức chấp nhận cuộc sống "*luong ba đồng, ba cọc*" ở khu vực hành chính sự nghiệp. Nguyên nhân trực tiếp là nền kinh tế của Lâm Đồng vẫn chưa thoát khỏi trì trệ, chậm phát triển. Hiện tượng sử dụng không đúng ngành nghề đào tạo còn nhiều. Một bộ phận trí thức không có nhiều cơ hội hoặc điều kiện tiếp cận với thông tin kinh tế - xã hội của địa phương. Một bài toán học búa chưa có lời giải: *thiếu người tài - kinh tế chậm phát triển; kinh tế chậm phát triển - không thu hút được người tài.*

Một thực trạng khác của đội ngũ trí thức Lâm Đồng là không ít người có bằng đại học hoặc sau đại học nhưng bị rơi vào vòng xoáy "*học giả, bằng thật*", vì vậy hiệu quả công tác rất thấp. Không ít trí thức thiếu năng lực đề xuất, năng lực tổ chức thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ. Trình độ ngoại ngữ, tin học của đội ngũ trí thức Lâm Đồng nói chung còn rất thấp. Trong tổng số hơn 22 ngàn cán bộ viên chức của các đơn vị hành chính sự nghiệp, chỉ có 223 công chức có trình độ cử nhân tin học, 669 người có trình độ cử nhân ngoại ngữ.

Một số văn nghệ sĩ hoạt động trong lĩnh vực văn học nghệ thuật chưa nhận thức đúng vai trò, vị trí của mình, chủ quan, ngộ nhận, nội bộ có lúc mất đoàn kết nghiêm trọng. Tinh hấp dẫn của báo chí Lâm Đồng vẫn chưa cao, chưa có những đột phá, chưa theo kịp với phát triển chung của xã hội.

Tổ chức của các Hội chuyên ngành cũng như Liên hiệp các Hội Khoa học Kỹ thuật của tỉnh tuy qua các kỳ đại hội đã được củng cố và có những chuyên biên tích cực, nhưng nói chung chưa thu hút, tập hợp được đội ngũ trí thức, tạo được sức mạnh trong nghiên cứu, sáng tạo cũng như đẩy mạnh hoạt động tư vấn phản biện và giám định xã hội.

Về mặt lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy và chính quyền địa phương cũng còn những hạn chế, bất cập. Trong công tác xây dựng Đảng tuy coi trọng công tác quản lý, đào tạo, sử dụng cán bộ nhưng thực tế vẫn còn chấp vá và đạt hiệu quả thấp. Hiện tượng chảy máu chất xám đã và đang xảy ra. Một số người có trình độ cao nhưng không thiết tha với địa phương Lâm Đồng đã tìm đến những môi trường làm việc khác. Việc thu hút nhân tài gặp nhiều khó khăn. Ở đâu đó vẫn còn dư luận về "*một phút cơ cấu bằng phần đấu cả đời*"... Phải chăng đã đến lúc cần công khai minh bạch để các quá trình sử dụng tốt nhất "nguồn lực" rất quý giá này. Bởi Lê Quý Đôn, nhà bác học vĩ đại của dân tộc Việt Nam, đã nói: "*Tôn tài thì đại thịnh; tôn nịnh thì đại nguy; tôn lộc thì đại suy*".

Tuy có những hạn chế chủ quan và khách quan của đội ngũ trí thức nhưng công lao và thành tựu đạt được vẫn là cơ bản. Vì vậy, lãnh đạo Đảng, nhà nước và nhân dân ta vẫn luôn luôn coi trọng và tôn vinh những đóng góp cống hiến của đội ngũ trí thức. Trong lời bế mạc hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ 7 khóa X, Tổng bí thư Nông Đức Mạnh đã nói: "*Ngay trong thời kỳ gian khổ, ác liệt của chiến tranh, chúng ta đã hình thành và phát triển được một đội ngũ trí thức mới, trí thức cách mạng đầy nhiệt huyết, có nhiều đóng góp to lớn trên nhiều lĩnh vực, góp phần xứng đáng làm nên thắng lợi vẻ vang của dân tộc.*" ■

(\*) Theo Tổng cục Thống kê, cả nước có 2,6 triệu người có trình độ đại học trở lên, trong đó có 18.000 thạc sĩ, 16.000 tiến sĩ và tiến sĩ khoa học, có 6.000 giáo sư và phó giáo sư.



## TĂNG CƯỜNG NGUỒN NHÂN LỰC CẠO HOẠT ĐỘNG THÚ Y CẤP XÃ CỦA TỈNH LÂM ĐỒNG

**BSTY. HOÀNG HUY LIỆU**

*Phó Chi cục trưởng Chi cục Thú y Lâm Đồng*

**T**rong những năm qua, hoạt động thú y ở Lâm Đồng đã có những bước phát triển tốt, từng bước khống chế được một số bệnh truyền nhiễm quan trọng. Tuy nhiên, trong quá trình hội nhập toàn cầu hóa, hoạt động thú y đang gặp nhiều khó khăn, thách thức như là:

- Tình hình dịch bệnh của động vật liên tục xảy ra trên phạm vi cả nước, trong đó có tỉnh Lâm Đồng. Dịch bệnh ngày càng diễn biến phức tạp. Nhiều dịch bệnh mới nguy hiểm phát sinh không những gây thiệt hại cho ngành chăn nuôi mà còn đe dọa đến sức khỏe cộng đồng như bệnh Cúm gia cầm, Lở mồm long móng, Tai xanh, Tụ huyết trùng;

- Vấn đề về mất vệ sinh an toàn thực phẩm của những sản phẩm chăn nuôi đối với người tiêu dùng;

- Vấn đề bảo vệ môi trường sinh thái do ảnh hưởng của dịch bệnh, chất thải của chăn nuôi, giết mổ, vận chuyển gia súc, gia cầm.

Những vấn đề trên phải được giải quyết ngay từ giai đoạn đầu của quá trình sản xuất chăn nuôi, tiêu thụ tại cơ sở. Trong đó, vai trò của ngành thú y nói chung và mạng lưới thú y cấp cơ sở nói riêng là vô cùng quan trọng.

Thực tế, cơ sở vật chất và trang thiết bị của ngành thú y Lâm Đồng còn rất thiếu. Hệ thống tổ chức mới chỉ kiện toàn được đến cấp huyện và theo một mô hình riêng. Nguồn nhân lực mỏng và còn hạn chế nhất định về chuyên môn, nghiệp vụ, chưa đáp ứng được so với yêu cầu thực tế. Hiện Chi cục Thú y

tỉnh chỉ có 25 biên chế, còn mỗi cơ quan thú y huyện có từ 3-4 người. Trong khi đó, địa bàn hoạt động lại rất rộng và phức tạp, hệ thống mạng lưới thú y ở cấp xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cấp xã) còn đang bị buông lỏng.

Theo thống kê của Chi cục Thú y, toàn tỉnh có 140/145 xã có mạng lưới thú y cơ sở đang hoạt động với 391 người tham gia. Trong đó, 14 người có trình độ đại học, 95 người có trình độ trung cấp, 233 người đã qua lớp đào tạo nghề hoặc tập huấn của Chi cục Thú y và 49 người chưa qua đào tạo.

Đội ngũ này hiện đang làm các dịch vụ kỹ thuật về thú y (như tiêm phòng, chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe cho động vật, khử trùng tiêu độc, thiến hoạn, phối giống và các dịch vụ khác); khuyến nông; chuyển giao khoa học kỹ thuật tại cơ sở. Đây là lực lượng tại chỗ thường xuyên nắm bắt và theo dõi tình hình dịch bệnh động vật sớm nhất, trực tiếp phát hiện, hướng dẫn người chăn nuôi có giải pháp bao vây, dập tắt các ổ dịch nhỏ lẻ, không để nguồn bệnh lây lan, phát tán. Đồng thời họ là những người thông tin, báo cáo dịch bệnh cho cấp chính quyền và cơ quan thú y chính xác để sớm có biện pháp xử lý, hạn chế sự lây nhiễm, gây thiệt hại lớn.

Tuy nhiên, mạng lưới thú y xã chưa được tổ chức thành một hệ thống thống nhất trong toàn tỉnh. Việc quản lý, giám sát của cơ quan thú y huyện, UBND các xã với lực lượng này còn lỏng lẻo, mang tính tự phát. Đa phần họ



chỉ hành nghề trong những đợt tiêm phòng, chống dịch hay kết hợp chữa trị gia súc bệnh chứ không phải là nghề chính.

Mạng lưới thú y xã chưa được Nhà nước hỗ trợ về kinh phí và các chế độ khác. Thu nhập của họ chủ yếu từ các hoạt động dịch vụ kỹ thuật còn hoạt động này chỉ mang tính làm thêm nên họ chưa tích cực trong phòng chống dịch, không tham gia những công việc phòng chống dịch có thu nhập thấp. Do đó, cơ quan thú y không điều động được và không có lực lượng tại chỗ để sớm phát hiện và báo cáo tình hình nhằm chủ động triển khai các biện pháp phòng chống dịch. Một số ổ dịch còn kéo dài hoặc tái phát gây ảnh hưởng lớn đến chăn nuôi, nhất là chăn nuôi hàng hóa đang phát triển mạnh ở tỉnh ta. Việc kiện toàn, tổ chức hoạt động của mạng lưới thú y cấp xã là vấn đề cấp bách, tạo nguồn nhân lực cho hoạt động khoa học kỹ thuật tại cơ sở, đáp ứng được yêu cầu của thực tế.

Với mục tiêu chung là xây dựng và hoàn thiện hệ thống tổ chức quản lý Nhà nước của ngành thú y thống nhất, xuyên suốt từ tỉnh đến xã; thiết lập được hệ thống giám sát từ cơ sở để kịp thời phát hiện, tổ chức tốt công tác phòng chống dịch bệnh động vật; bảo vệ sức khỏe con người; góp phần đảm bảo sự phát triển bền vững của ngành chăn nuôi. UBND tỉnh đã có Quyết định số 1268/QĐ-UBND ngày 16/5/2008 phê duyệt đề án tổ chức hoạt động của mạng lưới thú y cấp xã do Chi cục Thú y xây dựng, với những nội dung chủ yếu sau:

- Thống nhất tổ chức mạng lưới thú y cấp xã gồm nhân viên thú y cấp xã và các cộng tác viên thú y (gọi tắt là mạng lưới thú y viên).

- Mỗi cấp xã có 01 nhân viên thú y nằm trong hệ thống thú y chuyên ngành của tỉnh. Nhân viên thú y xã chịu sự quản lý, chỉ đạo trực tiếp của Trung tâm Nông nghiệp các huyện; giúp UBND xã tổ chức thực hiện các hoạt động thú y trên địa bàn cấp xã.

- Tiêu chuẩn của nhân viên thú y xã: là người tại địa phương, am hiểu phong tục, tập

quán địa phương; có trình độ chuyên môn về thú y từ trung cấp trở lên; có chứng chỉ hành nghề do Chi cục Thú y cấp. Đối với các xã vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn nếu chưa có người đạt trình độ trung cấp thì có thể tuyển chọn từ các mạng lưới thú y viên tại xã; có đủ sức khỏe; có tinh thần trách nhiệm; được nhân dân trong vùng và UBND xã tín nhiệm giới thiệu; tự nguyện tham gia và có khả năng phục vụ lâu dài cho hoạt động thú y tại địa phương; tuổi đời dưới 45 đối với nam và dưới 35 đối với nữ.

- Nhân viên thú y xã được hưởng phụ cấp bằng hệ số 1,0 so với mức lương tối thiểu hiện hành do Trung tâm Nông nghiệp huyện trực tiếp chi trả hàng tháng.

- Nhân viên thú y và các mạng lưới thú y viên được tham gia và hỗ trợ kinh phí đào tạo, tập huấn, hội thảo, các lớp bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ theo kế hoạch, được thực hiện các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Theo quyết định số 1268/QĐ-UBND của UBND tỉnh, Chi cục Thú y đã có hướng dẫn chi tiết để các huyện thực hiện đề án trên. Đến nay, đã có 12/12 đơn vị huyện cùng có tổ chức hoạt động của mạng lưới thú y cấp xã. Trong đó, có 12 người có trình độ đại học, chiếm 8,3%; 62 người có trình độ trung cấp, chiếm 43,1%; 45 người có trình độ sơ cấp, chiếm 31,2%; 25 người qua lớp đào tạo mạng lưới thú y của Chi cục Thú y, chiếm 17,4%. Lực lượng này đã được ký hợp đồng với Trung tâm Nông nghiệp cấp huyện và đi vào hoạt động. Đây là bước đột phá và có ý nghĩa lớn để tạo nguồn nhân lực khoa học kỹ thuật xuyên suốt từ tỉnh đến cấp xã, góp phần quan trọng cho hoạt động thú y của tỉnh có hiệu quả.

Tuy nhiên, trong quá trình triển khai thực hiện đề án còn có những tồn tại nhất định. Để hoàn thiện, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực khoa học kỹ thuật của ngành thú y tại cơ

*(Xem tiếp trang 4)*



**Kỷ niệm 115 năm Đà Lạt hình thành và phát triển**

**ĐÀ LẠT HƯỚNG TỚI ĐÔ THỊ VĂN MINH XANH - SẠCH - ĐẸP**

**ĐOÀN VĂN VIỆT**

*Chủ tịch UBND thành phố Đà Lạt*

Năm 2008, Đà Lạt kỷ niệm 115 năm hình thành và phát triển.

Các hoạt động kỷ niệm tập trung vào việc đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước, biểu dương các điển hình tiên tiến trong sản xuất, xây dựng đời sống văn hóa, chỉnh trang đô thị, cải thiện môi trường, giữ gìn trật tự an toàn xã hội để góp phần giáo dục, động viên nhân dân ra sức phát huy truyền thống tốt đẹp, tự hào về thành phố Đà Lạt anh hùng. Đồng thời tiếp tục động viên mọi nguồn lực để đầu tư xây dựng và phát triển thành một trung tâm du lịch văn minh và hiện đại. Đây cũng là cơ hội để tăng cường quảng bá, giới thiệu những tiềm năng, thế mạnh và hình ảnh đặc sắc về cảnh quan, văn hóa và con người Đà Lạt - Lâm Đồng đến với du khách trong và ngoài nước. Các hoạt động được thực hiện trên tinh thần phát huy nội lực, vận động toàn dân hưởng ứng và tham gia tích cực nhiều phong trào theo hướng xã hội hóa. Trong mỗi hoạt động đều có được những kết quả về kinh tế - xã hội, lưu lại những dấu ấn về sự phát triển của thành phố qua 115 năm hình thành và phát triển.

Để thực hiện tốt các yêu cầu đặt ra như trên, thành phố đã xây dựng kế hoạch, biên pháp và tập trung chỉ đạo hoàn thành các nhiệm vụ trọng tâm gồm: tiếp tục phát triển nông nghiệp công nghệ cao; đẩy mạnh phát triển du lịch chất lượng cao; phát triển kết cấu hạ tầng gắn với chỉnh trang đô thị, phát triển khu dân cư, chung cư, thực hiện đề án quỹ biệt thự, cải cách hành chính (tổ chức bộ máy, cải cách thủ tục hành chính, nâng cao vai trò trách nhiệm của phòng, ban, phường, xã và cán bộ công chức); tập trung công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng triển khai các

dự án đầu tư, tăng cường công tác giải quyết khiếu nại tố cáo và trật tự an toàn giao thông; tổ chức các hoạt động kỷ niệm 115 năm Đà Lạt hình thành và phát triển.

Bên cạnh đó, thành phố tập trung triển khai tốt các công trình trọng điểm bao gồm: hoàn thành xóa nhà tạm cho hộ nghèo; triển khai xây dựng quảng trường trung tâm thành phố; triển khai hạ tầng điểm công nghiệp Phát Chi - Xuân Trường; tập trung xây dựng các khu dân cư tái định cư, chung cư; xây dựng vùng quy hoạch chăn nuôi tập trung; xây dựng các chợ đầu mối, mạng lưới chợ nhỏ; tiếp tục triển khai dự án công viên Ánh Sáng, công viên kết hợp khu vui chơi giải trí đường Bà Huyện Thanh Quan và nâng cấp cầu Bà hộ Chúc, chuẩn bị nâng cấp đường Nguyễn Công Trứ.

**Tuần lễ văn hóa chào mừng kỷ niệm Đà Lạt 115 năm hình thành và phát triển 1893-2008 (Từ 17 đến 21/12/2008)**

Lễ biểu dương 115 gương điển hình thành phố (tại Nhà Thiếu nhi tỉnh);

Triển lãm "Đà Lạt xưa và nay" (Trung tâm Văn hóa tỉnh);

Liên hoan nghệ thuật các thành phố (Sân khấu bến Du thuyền, Khu triển lãm Hòa Bình và các xã Tà Nung - Xuân Trường - Xuân Thọ);

Ngày hội về nguồn (xã Xuân Trường);

Ngày hội rau Đà Lạt (đường Nguyễn Thị Minh Khai);

Ngày hội văn hóa thể thao dân tộc (xã Tà Nung);

Phiên chợ hoa đầu tiên Đà Lạt (đường Nguyễn Thái Học);

Đêm hội Đà Lạt (hồ Xuân Hương);

Ngày hội "Vì một thành phố không rác" (Khu trung tâm thành phố);

Đêm hội kỷ niệm 115 năm Đà Lạt hình thành và phát triển.



### **Đà Lạt hướng tới đô thị văn minh xanh - sạch - đẹp**

Với lợi thế khí hậu, phong cảnh thiên nhiên và đặc biệt là có sự quan tâm sâu sắc của chính quyền các cấp và người dân về môi trường sống, Đà Lạt luôn được định hướng xây dựng thành một đô thị sinh thái, một thành phố xanh - sạch - đẹp và văn minh.

Trong những năm qua, nhiều dự án đầu tư về môi trường đô thị đã được lãnh đạo tỉnh Lâm Đồng và thành phố Đà Lạt quan tâm chú trọng. Phong trào giữ gìn, bảo vệ môi trường đô thị đã trở thành một trong những hoạt động thường xuyên và rộng khắp. Thành phố Đà Lạt hiện đã được Hội Môi trường đô thị Việt Nam đánh giá là một trong những thành phố xanh - sạch - đẹp của cả nước.

Để tăng cường quản lý, bảo vệ môi trường sinh thái, thành phố đã tiến hành nghiên cứu triển khai đề án quản lý, bảo vệ và phát triển cảnh quan và môi trường sinh thái; tổ chức các ban chỉ đạo ở các phường, xã để tuyên truyền, vận động đến tận cơ sở. Đồng thời thường xuyên phát động phong trào xanh - sạch - đẹp gắn liền với các hoạt động giữ gìn cảnh quan, vệ sinh môi trường trên từng địa bàn dân cư.

Về chủ trương xây dựng thành phố xanh, hàng năm, thành phố Đà Lạt đã tổ chức cho toàn dân trồng và chăm sóc cây xanh trên toàn địa bàn. Bình quân mỗi năm có khoảng 100 ha rừng và trên 10.000 cây xanh đường phố được trồng. Cây xanh phân tán được trồng mới góp phần nâng cấp cảnh quan môi trường vừa là yếu tố quan trọng bảo vệ khí hậu của thành phố.

Việc triển khai dự án thoát nước toàn thành phố và nhà máy xử lý nước thải với vốn đầu tư khoảng 400 tỉ đồng đã góp phần quan trọng cải thiện vệ sinh môi trường khu vực trung tâm. Thành phố khuyến khích chuyển đổi cơ cấu cây trồng ven suối, hồ, trồng rừng các vùng đất đầu nguồn nhằm khắc phục tối đa những tác hại đến môi trường do phân bón, thuốc trừ sâu và việc sạt lở đất, bồi lắng các hồ và sản xuất nông nghiệp gây nên. Về xử lý rác, song song với việc tuyên truyền, tổ chức các tuần lễ sạch phố, đẹp phường, thành phố tổ chức khoán thu rác đến tận khu phố, thôn nên hiệu quả tốt hơn. Đến nay, số lượng rác thu gom đạt khoảng 90%. Thành phố cũng

đang xây dựng báo cáo khả thi dự án xử lý chất thải rắn và triển khai dự án chất thải y tế trên địa bàn.

Về văn minh đô thị, đây là một nội dung rộng lớn, toàn diện được xác lập trên cơ sở căn cứ vào các yếu tố như kinh tế, chính trị, xã hội, trình độ dân trí, phong tục tập quán. Do vậy, công tác xây dựng văn minh đô thị của thành phố Đà Lạt trong thời gian qua đã được quan tâm với những chương trình, kế hoạch cụ thể. Nội dung văn minh đô thị được triển khai trên nhiều lĩnh vực nhằm đạt các mục tiêu lập lại trật tự, kỷ cương; nâng cao nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật, nâng cao hiệu quả quản lý Nhà nước của các cấp chính quyền từ thành phố đến cơ sở trên một số lĩnh vực như: văn minh trong xây dựng cơ bản; văn minh nơi công cộng, văn minh trong giao tiếp ứng xử, tang ma, cưới hỏi, lễ hội; văn minh trong kinh doanh dịch vụ, giữ gìn vệ sinh cảnh quan môi trường và thực hiện trật tự an toàn giao thông. Đồng thời tiếp tục hoàn thiện và nâng cao nhận thức của cộng đồng dân cư trong việc giữ gìn, phát huy những giá trị truyền thống tốt đẹp của phong cách người Đà Lạt, nhằm xây dựng Đà Lạt thành một đô thị thực sự có đời sống văn hóa, xã hội an toàn thân thiện, trật tự, xây dựng phong cách người Đà Lạt hiền hòa, mến khách.

Đà Lạt đang khẩn trương hoàn thành các nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 2008 trong khí thế của phong trào thi đua lập thành tích chào mừng kỷ niệm 115 năm thành phố hình thành và phát triển. Phát huy truyền thống của thành phố anh hùng, cán bộ và nhân dân các dân tộc thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng quyết tâm xây dựng thành phố ngày càng văn minh, sạch đẹp và phát triển bền vững để năm 2008 sẽ mãi là dấu ấn đáng nhớ của thành phố ngàn hoa khi tròn 115 tuổi. ■



Khai mạc triển lãm ảnh "Đà Lạt xưa"



**Kỷ niệm 115 năm Đà Lạt hình thành và phát triển**

**NGHĨ VỀ PHONG CÁCH NGƯỜI ĐÀ LẠT**

**DÃ QUỲ**

Một cuộc "hội thảo bỏ túi" không thống kê, không tổng hợp, không kết luận, đó là cuộc hội thảo của một nhóm bạn trung niên trở lên có cả người Đà Lạt, người Sài Gòn, người Hà Nội. Những người Đà Lạt lại rất tình cờ có người đã sống lâu năm ở Đà Lạt, có người mới vào Đà Lạt những năm sau này. Họ là những nhà kinh doanh, quân đội, thầy giáo, lãnh đạo, những người làm nghệ thuật, nhà báo... Nhân ngày nghỉ cuối tuần, họ dựng trại trong một khu rừng thông ven Đà Lạt, đàn hát vui nhộn và trao đổi tranh luận nhiều đề tài. Nhưng sôi nổi nhất, tư duy nhiều nhất có lẽ là đề tài về phong cách người Đà Lạt. Cuộc hội thảo tự phát đã được ghi lại vài điều khá thú vị.

Tất cả những người dù sinh sống lâu năm hay mới đến Đà Lạt những năm gần đây đều tự hào rằng mình là người Đà Lạt. Họ yêu Đà Lạt với một tình yêu quê hương đậm thắm. Thiên nhiên và văn hóa con người Đà Lạt nhẹ nhàng nhưng có sức sống dẻo dai, bền vững đã đồng hóa những người nhập cư đến đây từ nhiều vùng quê khác nhau. Họ yêu mến nét văn hóa ấy và tự nguyện để được đồng hóa mình thành người Đà Lạt. Cùng với họ là những nét văn hóa tốt đẹp ở nhiều vùng quê khác cũng nhập cư theo và dần bổ sung thêm cho văn hóa Đà Lạt. Họ xoay quanh câu hỏi: Vậy văn hóa người Đà Lạt là gì? Và cùng đồng tình với nhau rằng: người Đà Lạt trước hết đó là người Việt Nam và văn hóa Đà Lạt là một bộ phận nhỏ không tách rời trong văn hóa Việt Nam. Do điều kiện địa lý, kinh tế, lịch sử cụ thể của mỗi vùng miền đã hình thành một số nét văn hóa riêng có sắc thái khác nhau và cũng vì vậy mà khi nhìn phong cách, xem lối sinh hoạt, thói quen trong ăn, mặc, đi đứng, giao tiếp, cư xử... mà đặc biệt là nghe giọng nói, người ta dễ phân biệt được đó là người ở vùng này hay ở tỉnh nọ. Người Đà Lạt cũng có nét riêng đó.

Trên một trăm năm hình thành và phát triển đối với một vùng quê cũng chưa phải là nhiều và cư dân Đà Lạt là sự hội tụ của nhiều vùng quê trong cả nước, nhưng Đà Lạt đã hình thành nhiều cái riêng, ngay cả giọng nói tuy xuất xứ từ pha trộn Bắc, Trung, Nam nhưng cũng

đã hình thành một âm sắc riêng rất Đà Lạt mà người nghe có thể nhận ngay ra được. Đà Lạt, một cõi thiên nhiên với môi trường sinh thái trong trẻo, cảnh quan tươi đẹp, khí hậu ôn hòa quanh năm là môi trường lý tưởng cho sự phát triển nhân cách lành mạnh, hiền hòa. Người Đà Lạt ưa thích sự nhẹ nhàng mà sâu lắng, có tâm hồn trong sáng và phóng khoáng của những người sống gần gũi với thiên nhiên rộng lớn. Có ai đó đã nói rằng: phong thủy Đà Lạt tự nó đã góp phần đào luyện nên tâm tình con người được sinh ra và lớn lên trong lòng nó. Cùng với nguồn gốc địa lý, từ những năm xưa, Đà Lạt đất rộng người thưa, việc trồng trọt thuận lợi, công việc làm ăn dễ dàng cũng tạo nên bản tính con người hiền hòa, thuần hậu. Bản tính tốt đẹp đó hình thành và phát triển bền vững cho nhiều thế hệ người Đà Lạt. Cũng có người nói: càng sống lâu ở Đà Lạt, con người càng hiền lương, đó là một bí mật của Đà Lạt.

Những người đầu tiên đến Đà Lạt xuất xứ từ những vùng quê ở miền Trung và miền Bắc, thậm chí văn hóa phương đông, nhưng cũng đã sớm hòa nhập với văn hóa hiện đại phương tây. Người Pháp ở Đà Lạt ngoài một số nhà tư bản mang nặng đầu óc thực dân, còn lại là những giáo sư, bác sĩ, kỹ sư, nhà khoa học... Họ vẫn giữ phong cách lịch lãm của văn minh, văn hóa Pháp. Các trường học như Couvent des oiseaux, Petit lycee, Grand lycee, Adrand,... mở ra và tồn tại trong nhiều năm



đã ảnh hưởng không ít đến phong cách của những thế hệ người Đà Lạt không chỉ ở giới trí thức mà còn lan rộng đến các tầng lớp dân cư khác. Đà Lạt trong suốt chiều dài lịch sử của nó với khí hậu trong lành, cảnh quan mỹ miều, không gian thơ mộng đã thu hút nhiều thế hệ văn nghệ sĩ đến sinh sống và sáng tác. Nhiều tác phẩm văn, thơ, nhạc, họa nổi tiếng được phổ biến và lưu truyền trong các thế hệ cư dân Đà Lạt đã góp phần nâng cao văn hóa Đà Lạt. Nét phong cách thanh lịch của người Đà Lạt có lẽ cũng có nguồn gốc từ những thực tế nêu trên. Về hình thức, người Đà Lạt phục sức đàng hoàng, trang nhã, kín đáo và được nhìn nhận là khá đẹp. Có một thời, phụ nữ ra đường đều mặc áo dài và không thiếu chiếc áo len duyên dáng hoặc chiếc manteau sang trọng, đàn ông thì áo blouson hoặc veston cùng với chiếc cà vạt hoặc chiếc khăn quàng cổ dài thả lửng sau lưng và trước ngực,... Lối trang phục đó như một nét riêng của người Đà Lạt, nó tô điểm thêm màu sắc trẻ trung, lịch lãm ưa nhìn. Ai đó đã đọc được bài viết của một nữ sĩ xa xứ về thăm Đà Lạt, trong đó có câu: *"Ngồi uống café ở một quán vắng, có người đàn ông thả khói thuốc như mây bay qua cốc café, chợt bắt gặp ánh mắt nhìn tôi, một ánh nhìn nhẹ nhàng thăm thẳm con trai Đà Lạt, một chút lạnh thấm qua da làm lay lếch tâm hồn, mưa bay chiều Đà Lạt và một ánh mắt đàn ông nhìn làm tôi muốn làm thơ."*

Ngày xưa xã hội Đà Lạt hình thành từ những người tha phương lập nghiệp. Họ có nhu cầu giao tiếp, đoàn kết, gắn bó để cùng bảo vệ và giúp nhau sản xuất, giúp nhau trong cuộc sống, kể cả việc khắc phục bệnh tật và chăm lo việc học hành cho con cái... nên càng có thêm nhiều người về cư ngụ thì càng đông vui, càng làm được nhiều việc lớn. Có lẽ vì vậy mà xưa nay người Đà Lạt không cục bộ quê quán, không phân biệt tôn giáo, thành phần. Người Đà Lạt vô tư, nhân hậu, không nhẫn tâm trong đối xử với người khác. Hơn nữa, Đà Lạt là một thành phố du lịch từ gần một thế kỷ nay và du khách đến Đà Lạt được xem như khách đến nhà. Cũng có lẽ vì vậy mà tính hiếu khách hình thành tự nhiên trong tình cảm và cuộc sống của người Đà Lạt. Một cậu bé với chiếc cặp trên lưng đang tung tăng trên đường đi học về cũng dừng lại lễ phép, tận tình chỉ đường cho một du khách mới đến cần tìm một địa chỉ nào đó. Người ta

thường nói *"ồn như chợ"* nhưng chợ Đà Lạt lại không ồn ào hỗn độn mà họ trao đổi mua bán vừa đủ nghe, ít thấy xảy ra cãi vã, giành giật, đánh nhau,... Những người bán hàng lâu năm, có nhiều khách quen thường bán với giá phải chăng, không nói thách, đó cũng là một phong cách có văn hóa trong buôn bán và tôn trọng khách hàng.

Nói thế không có nghĩa là tất cả những người đang sống trên đất Đà Lạt hiện nay đều là những người hiền hòa, thanh lịch, mến khách cả đâu. Mà bất cứ một xã hội nào, một vùng quê nào cũng vậy, bên cạnh cái tốt đẹp mà nhiều người đang có và đa số người đang hướng tới thì cũng còn lắm hiện tượng được xem là mặt trái, là khoảng tối của xã hội. Con người Đà Lạt cũng thế, bên cạnh cái đa số tốt đẹp đã làm nên một xã hội lành mạnh, yên bình, tin cậy, đáng yêu thì đó đây cũng còn nhiều lắm những hiện tượng đáng phê phán, thậm chí cần phải lên án mạnh mẽ như: mua bán chụp giựt, nâng giá ép giá, một bộ phận sống bê tha, sỗ khác thì hành động theo tính cục bộ địa phương, bè phái, thậm chí không thiếu những người vì quyền lợi ích kỷ đã chà đạp lên đạo lý, bán rẻ lương tâm, nịnh bợ và sẵn sàng tàn nhẫn...

Buổi chiều Đà Lạt đổ cơn mưa rào bất thường, thành phố vắng vẻ, sương mù là là trên mặt hồ, Đà Lạt xanh hơn, sạch hơn và đẹp hơn. Các nhóm đi picnic nhỏ trại ra về tâm hồn thanh thản, vui tươi, sẵn sàng cho một tuần mới làm việc hiệu quả. Những điều họ trao đổi nêu trên mới chỉ là những cảm nhận và góp nhặt trong cuộc sống chưa có những nghiên cứu khoa học thật đầy đủ. Phong cách người Đà Lạt vẫn còn bỏ ngỏ, chờ đợi các nhà khoa học kết luận để xây dựng lòng tự hào của cư dân Đà Lạt và làm tài liệu chuẩn giáo dục cho muôn đời thế hệ trẻ mai sau. ■





**Kỷ niệm 115 năm Đà Lạt hình thành và phát triển**

**ALEXANDRE YERSIN - NHÀ KHOA HỌC CHÂN CHÍNH**

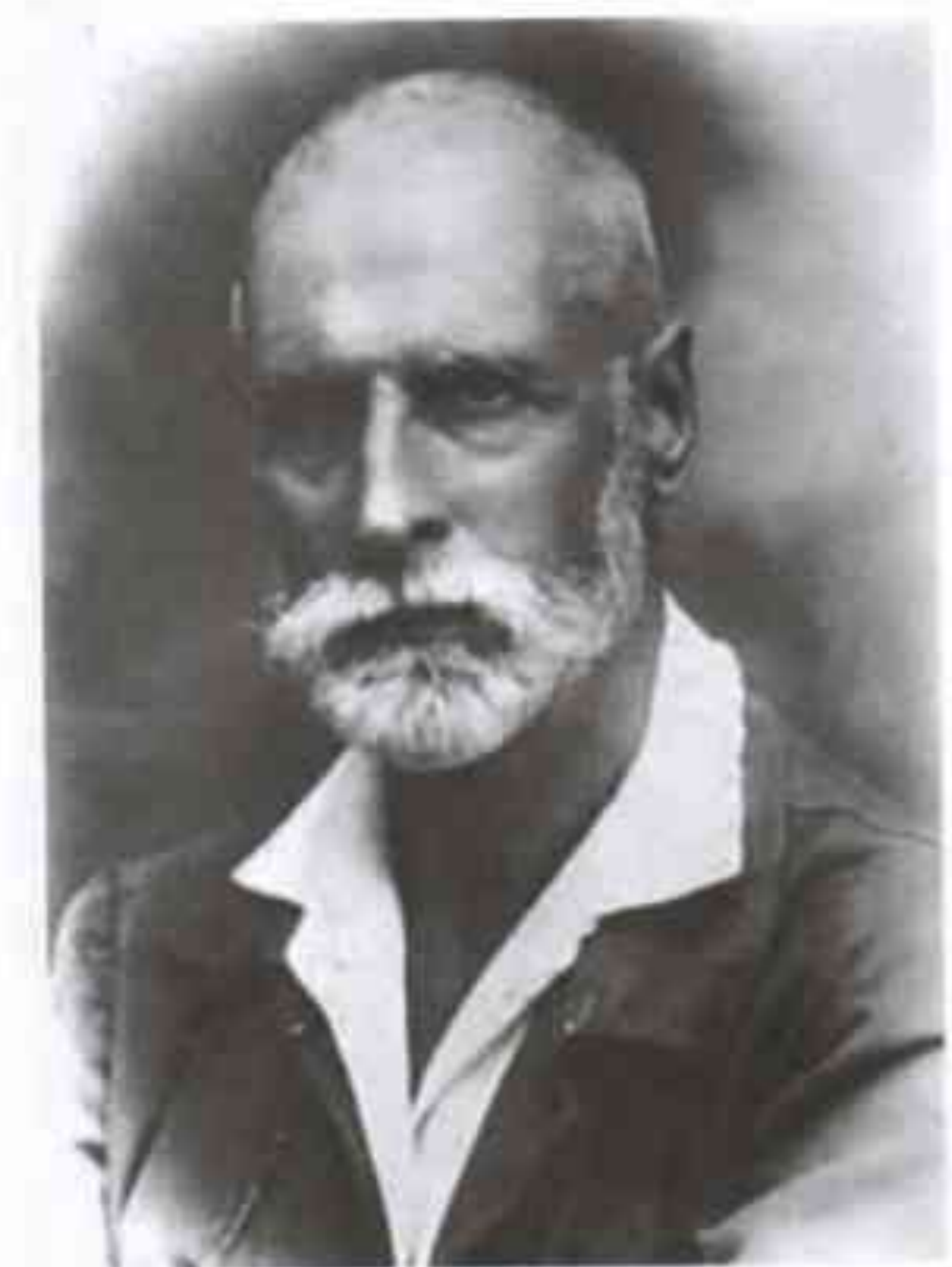
**ThS. NGÔ MẠNH PHỤNG**  
 Trường Đại học Yersin Đà Lạt

Trong không khí tung bừng của “*Tuần lễ Văn hóa chào mừng kỷ niệm Đà Lạt 115 năm hình thành và phát triển*”, cư dân thành phố Đà Lạt, du khách trong nước và quốc tế hẳn không quên bác sĩ Alexandre Yersin, nhà khoa học chân chính, mà tên tuổi ông gắn liền với sự hình thành thành phố Đà Lạt từ cuối thế kỷ XIX.

Alexandre Yersin sinh năm 1863, người Thụy Sĩ, quốc tịch Pháp. Ông mồ côi cha từ trong bụng mẹ. Để nuôi ông ăn học, mẹ ông đã mở lớp dạy bếp núc, âm nhạc, hội họa... cho các thiếu nữ đến từ Đức và nhiều vùng của Thụy Sĩ. Như vậy, ngoài sự thiếu vắng một người cha, Yersin còn chịu ảnh hưởng của nền giáo dục theo thánh giáo và sự tiếp xúc hàng ngày toàn là phụ nữ... Quá trình trưởng thành của ông, sự phát triển về trí tuệ tạo nên thiên hướng say mê nghiên cứu khoa học, suốt cuộc đời của ông dành cho khoa học.

Năm 1888, tại Paris, A. Yersin đã bảo vệ thành công luận án tiến sĩ với đề tài ngành y khoa “*Nghiên cứu sự phát triển chứng nhiễm trùng huyết của bệnh lao thực nghiệm*”, ông được Đại học Y khoa Paris tặng huy chương đồng, lúc đó ông mới 25 tuổi. Sau đó, A. Yersin hợp tác cùng bác sĩ Roux tìm ra độc tố của vi trùng bệnh bạch hầu.

Năm 1894, sau nhiều kỳ công nghiên cứu tìm tòi thí nghiệm, Yersin đã tìm ra vi trùng dịch hạch, nghiên cứu bào chế thuốc điều trị và phòng bệnh dịch hạch, được chính phủ Pháp tặng huân chương Bắc đẩu bội tinh. Năm 1896, bệnh dịch hạch tái phát tràn lan ở Trung Quốc, Hồng Công, Quảng Đông...



80% người bệnh được cứu sống nhờ loại thuốc của bác sĩ Yersin bào chế.

Hội nghị Vi sinh vật học thế giới lần thứ 10 năm 1970 đã quyết định đặt cho vi khuẩn dịch hạch mang tên người đã khám phá ra nó *Yersinia Pestis*.

Nhân loại mang ơn bác sĩ Yersin về bệnh dịch hạch, cũng như mang ơn nhà bác học Louis Pasteur về bệnh chó dại.

Năm 1902, bác sĩ A. Yersin làm hiệu trưởng trường thuốc Hà Nội (nay là Đại học Y khoa Hà Nội). Ông là giám đốc Viện Pasteur Đông Dương, gồm cả Viện Pasteur Nha Trang và Viện Pasteur Sài Gòn. Kế thừa thành tựu của ông, ngày nay, các Viện Pasteur Việt Nam vẫn



đang phát huy hiệu quả phòng, chữa bệnh cho nhân dân ta.

A. Yersin say mê nghiên cứu khoa học trên nhiều lĩnh vực. Ngoài y học, ông còn thành công trong sinh học, nông học, thiên văn học, vật lý học và ưa thích thám hiểm mạo hiểm. Ông đã trồng thử nghiệm thành công cây cao su ở Suối Dầu; cây canh-ki-na ở Hòn Bà, Dran, cao nguyên Langbian để bào chế thuốc chữa bệnh sốt rét rất hiệu quả. Suối Dầu thuộc Diên Khánh, cách Nha Trang 20 km là nơi ông đã lập đồn điền trồng cao su, bắp, lúa, thuốc lá... nuôi ngựa, trâu, bò, dê, cừu. Đặc biệt, ngựa là loài vật được ông chăm sóc kỹ để lấy nguyên liệu sản xuất vacxin phòng bệnh dịch hạch.

Tháng 2 năm 1893, trong chuyến thám hiểm vùng núi rừng hoang sơ, đầy thú dữ ở Nam Trung bộ, A. Yersin đã phát hiện cao nguyên Langbian và đề nghị Toàn quyền Đông Dương P. Doumer chọn Đà Lạt - Đan Kia xây dựng trạm nghỉ dưỡng vì nơi đây đầy đủ điều kiện cần thiết về đất đai, thời tiết khí hậu, nguồn nước, có khả năng xây dựng đường giao thông nối liền Biên Hòa với ven biển Trung bộ. Từ đó, Đà Lạt bắt đầu hình thành phát triển, đến nay đã 115 năm.

Thành phố Đà Lạt trong quá trình hình thành và phát triển đã có những mái trường mang tên Yersin như trường trung học Lycée Yersin thành lập tháng 6 năm 1935 (nay là trường

Cao đẳng sư phạm Đà Lạt), trường Đại học Yersin Đà Lạt thành lập tháng 10 năm 2004, trường Trung học phổ thông Yersin thành lập tháng 12 năm 2005, đường phố, công viên mang tên Yersin... Đó cũng là sự ghi nhận công lao của nhà khoa học, bác sĩ A. Yersin đối với Đà Lạt, với sự phát triển của nền khoa học thế giới.

Gần 50 năm sống và làm việc ở Việt Nam, 57 năm hoạt động khoa học, A. Yersin đã nghiên cứu thành công 55 công trình khoa học, gồm 40 công trình về y học (trong đó 13 công trình chuyên nghiên cứu về bệnh dịch hạch), 10 công trình nghiên cứu về các lĩnh vực sinh học, nông học (trong đó có 5 công trình nghiên cứu việc trồng và bào chế canh-ki-na chữa bệnh sốt rét). Đến nay, khoảng 60 bài báo khoa học của A. Yersin đăng trên các tạp chí thời đó vẫn còn được lưu giữ.

Mỗi dịp lễ hội chào mừng Đà Lạt hình thành và phát triển chúng ta vẫn nhớ đến bác sĩ A. Yersin - nhà khoa học chân chính gắn với sự nghiệp khoa học rất vẻ vang. Tên tuổi, sự nghiệp của ông vẫn còn vang mãi trong giới trí thức thực thụ và in đậm trong lịch sử hình thành thành phố Đà Lạt. Đà Lạt ngày một đẹp hơn, xứng đáng là một trung tâm văn hóa, giáo dục - đào tạo, nghiên cứu khoa học, du lịch và nghỉ dưỡng nổi tiếng của Việt Nam, các thế hệ sau sẽ mãi nhắc đến tên ông với tâm lòng cảm phục sâu sắc. ■

## **“KHẢO SÁT NĂNG LỰC CẠNH TRANH CÁC DOANH NGHIỆP LÂM ĐỒNG”**

*(Tiếp theo trang 32)*

hàng; hoạch định kinh phí cho hoạt động marketing..

Nhìn chung, các DN tỉnh hầu hết là vừa và nhỏ, nguồn lực về tài chính, nhân lực, công nghệ còn hạn chế. Trong bối cảnh nền kinh tế Việt Nam gia nhập ngày càng sâu vào nền kinh tế khu vực và thế giới, việc nâng cao năng lực cạnh tranh cho các DN tại địa phương là một việc làm cần thiết và rất có ý

nghĩa. Kết quả của đề tài có thể xem là một trong những cơ sở tham khảo cho các cơ quan quản lý của tỉnh Lâm Đồng trong việc hoạch định chính sách quản lý, phát triển kinh tế ở địa phương để phát huy năng lực cạnh tranh của các DN trên địa bàn. Đồng thời cung cấp các giải pháp giúp DN xây dựng cho mình một năng lực cạnh tranh bền vững trong quá trình hội nhập kinh tế. ■



## QUẢN LÝ TRI THỨC TRONG NỀN KINH TẾ HỘI NHẬP

**PHẠM THI NHÂM**

*Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng*

Trong điều kiện toàn cầu hóa kinh tế đang diễn ra một cách nhanh chóng trên toàn thế giới, cùng với sự phát triển của cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật và công nghệ, các công ty phải đối mặt với rất nhiều cơ hội lẫn thách thức. Nguồn nhân lực đã trở thành “*một tài sản quý nhất, quan trọng nhất và quyết định nhất*” cho sự tồn tại và phát triển của bất kỳ một tổ chức nào. Các doanh nghiệp cạnh tranh nhau không chỉ về giá cả, chất lượng sản phẩm mà cả về tri thức. Nhu cầu của người tiêu dùng ngày càng cao, việc mua sắm không chỉ diễn ra tại chợ hay siêu thị mà người tiêu dùng chỉ cần ngồi ở nhà và click chuột cũng có thể mua được thứ mình cần. Để đáp ứng những nhu cầu này, các doanh nghiệp không thể tồn tại và phát triển nếu chỉ sử dụng nguồn lực truyền thống mà cần phải sử dụng nguồn lực có tri thức.

### Vậy tri thức là gì?

Có rất nhiều khái niệm liên quan đến tri thức, tri thức được định nghĩa đơn giản là sự hiểu và biết. Hay tri thức là những cảm nhận, hiểu biết và bí quyết thực tế mà chúng ta có, là nguồn lực cơ bản cho phép chúng ta hành động một cách thông minh.

Sự tiến hóa của nhận thức luận khoa học đã hình thành một cấu trúc thứ bậc của việc tạo ra tri thức: từ dữ liệu đến thông tin đến kiến thức. Sự tập hợp các sự kiện, sự việc và gắn kết chúng với một sự liên hệ hoặc một mục đích nhằm đưa ra các phán quyết hay những giá trị mới hình thành nên tri thức.

Trong bất kỳ một tổ chức, tri thức được tồn tại dưới hai dạng tri thức bộc lộ (*explicit knowledge*) và tri thức ẩn (*tacit knowledge*). Tri thức bộc lộ là các tri thức được hệ thống hóa trong các văn bản, tài liệu, hoặc báo cáo. Chúng có thể được chuyển tải trong những

ngôn ngữ chính thức và có hệ thống. Trong khi đó, tri thức ẩn là những tri thức không và rất khó được hệ thống hóa trong các văn bản, tài liệu. Các tri thức này là cá nhân, gắn liền với bối cảnh và công việc cụ thể. Tri thức ẩn rất khó để hình thành các tài liệu nhưng lại có tính vận hành cao trong bộ não của con người. Mỗi tổ chức có một cách xác định các dạng tri thức trên để quản lý và phát huy.

### Tại sao tổ chức phải quản lý tri thức?

Trong bối cảnh hiện nay, khách hàng càng có nhiều cơ hội và cách thức để lựa chọn sản phẩm mình muốn mua. Nhu cầu của khách hàng ngày càng tăng tạo ra sức ép cho các doanh nghiệp. Ở đây không chỉ là sức ép về tài chính mà doanh nghiệp cần phải biết cách làm thế nào để tạo ra các sản phẩm có giá trị, bán được cho khách hàng, đáp ứng được nhu cầu hiện tại và tương lai của khách hàng.

Tình trạng chảy máu chất xám đã và đang xảy ra, không ít các doanh nghiệp đã rơi vào tình trạng khủng hoảng khi cán bộ chủ chốt về kinh doanh, tài chính hay kỹ thuật chuyển đến một công ty khác khi mà ở đó, người lao động được hưởng một mức lương cao hơn, có điều kiện thăng tiến hay cơ hội được đào tạo cao hơn... Nhiều bí quyết công nghệ, thông tin của doanh nghiệp bị mất gây tổn thất lớn cho doanh nghiệp.

Vậy đâu là lời giải cho các vấn đề trên? Phải chăng đó là nhu cầu của quản lý tri thức?

Quản lý tri thức cần quan tâm tới chiến lược và chiến thuật để quản lý những tài sản trọng tâm là con người. Tri thức không phải ngẫu nhiên mà có, nó đòi hỏi phải có sự kiến tạo và chia sẻ. Do đó, tổ chức cần xác định rõ các yếu tố của tri thức để quản lý một cách hiệu quả. Trong đó, các yếu tố phải được quan tâm là con người, quá trình, công nghệ.



Con người tạo ra tri thức và sử dụng tri thức để làm việc, tạo ra giá trị. Như vậy, tổ chức cần tạo ra môi trường mà trong đó tri thức mới được kiến tạo, các kỹ năng được chia sẻ, phát huy tốt các ý tưởng, sáng tạo của người lao động, thúc đẩy người lao động thể hiện tri thức ẩn. Sự phân công rõ trách nhiệm của các thành viên trong đơn vị sẽ giúp tổ chức đánh giá đúng năng lực của từng người, có các chính sách cụ thể cho từng nhóm lao động để quản lý. Không ngừng đào tạo bên ngoài và đào tạo nội bộ cho người lao động để nâng cao trình độ, kỹ năng của người lao động.

Ứng dụng các công nghệ tiên tiến để quản lý tri thức, sử dụng công nghệ thông tin để lưu trữ, chuyên chở, chia sẻ tri thức. Việc chia sẻ các kiến thức, kinh nghiệm trên mạng nội bộ của doanh nghiệp sẽ giúp người lao động có thể chia sẻ kỹ năng của mình, học hỏi kinh nghiệm từ người khác.

Quản lý theo quá trình để đánh giá, nhận biết đâu là quá trình chính tạo ra giá trị để đầu tư thích đáng.

Tại các nước phát triển, việc quản lý tri thức rất được quan tâm và đầu tư. Theo báo cáo của Tổ chức hợp tác và phát triển kinh tế (OECD), các nền kinh tế của OECD đang phụ thuộc rất nhiều vào sản xuất, phân phối và sử dụng tri thức. Khoảng 70% GDP của các nền kinh tế OECD là dựa trên tri thức. Do đó, các công ty lớn của tổ chức này đều tập

trung đầu tư vào phần mềm.

Tại Việt Nam, trong những năm gần đây, nền kinh tế đã có những chuyển biến nhất định, việc quản lý tri thức cũng đã và đang được quan tâm. Tuy nhiên, theo đánh giá của Ngân hàng thế giới, mức phát triển của Việt Nam theo hướng nền kinh tế tri thức là rất chậm. Việc quan tâm tới quản lý tri thức đã số diễn ra tại các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoặc doanh nghiệp liên doanh. Tình trạng người lao động có kỹ năng, năng lực đang chuyển dần từ các cơ quan nhà nước, công ty trong nước đến doanh nghiệp phát triển theo hướng tri thức. Ở đây họ có môi trường để phát huy tốt năng lực của mình và có điều kiện thể hiện tri thức.

Tại Lâm Đồng, một số doanh nghiệp cũng đã chú trọng đến việc quản lý tri thức, tuy nhiên số lượng này còn rất nhỏ. Chính sách thu hút nhân tài còn hạn chế, chưa phù hợp với điều kiện thực tế.

Hội nhập kinh tế quốc tế là một cơ hội và cũng là thách thức đối với các tổ chức. Năng lực cạnh tranh sẽ là vấn đề sống còn đối với các doanh nghiệp. Sử dụng nguồn lực một cách hợp lý sẽ giúp doanh nghiệp đứng vững và nâng cao khả năng của mình. Trong đó, nguồn nhân lực là chìa khóa dẫn đến sự thành công của doanh nghiệp hiện nay. Phần thưởng sẽ thuộc về doanh nghiệp, tổ chức biết sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực - chủ thể của tri thức. ■

## CÔNG NGHỆ SẢN XUẤT IOD-131 TRÊN LÒ PHẢN ỨNG HẠT NHÂN ĐÀ LẠT

(Tiếp theo trang 24)

800°C. Thiết bị hấp thụ  $I^{131}$  bay hơi gồm hai bẫy chứa dung dịch kiềm yếu, được nối với hệ bơm hút có thể điều chỉnh lưu lượng từ bên ngoài để hút hết hơi  $I^{131}$  bay ra.

Box phân chia được trang bị bộ phân chia tự động có thể điều chỉnh độ pha loãng sản phẩm theo yêu cầu. Trong box cũng được trang bị một máy đo hoạt độ phóng xạ. Dung dịch sản phẩm được chứa trong các lọ kiểu peniciline 10 ml, đo đạt hoạt độ và được đóng gói hoàn thiện trước khi đưa ra bên ngoài box. Sản phẩm cuối cùng được đóng gói trong các vỏ chì (*container chì*) có độ dày tương ứng

với hoạt độ để bảo vệ an toàn bức xạ trong quá trình vận chuyển và sử dụng.

Với dây chuyền mới đưa vào hoạt động có thể cho phép chúng cất được một số lượng bia chiếu xạ  $TeO_2$  khá lớn là 150-180 g/1 lần (mẻ), gấp 10 lần dây chuyền cũ; thời gian chưng cất mỗi mẻ từ 1,5-2 giờ, nhiệt độ chưng cất 750-800°C, hoạt độ phóng xạ phụ thuộc vào công suất lò phản ứng. Mỗi mẻ sản xuất có thể đạt đến 20.000 mCi. Dây chuyền này mang lại hiệu quả kinh tế cao do luôn đáp ứng được nhu cầu sử dụng, thay thế sản phẩm nhập ngoại với giá thành phù hợp. ■



## **CÔNG NGHỆ SẢN XUẤT IOD-131 TRÊN Lò PHẢN ỨNG HẠT NHÂN ĐÀ LẠT**

**ThS. DƯƠNG VĂN ĐÔNG**

*Giám đốc Trung tâm nghiên cứu  
và điều chế đồng vị phóng xạ*

**V**iệc sử dụng đồng vị phóng xạ (ĐVPX) cho mục đích hòa bình, hỗ trợ sự phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt trong chẩn đoán, điều trị và nghiên cứu y học đã có trên thế giới hơn 60 năm. Các hội đồng chuyên viên của Tổ chức Y tế thế giới (WHO) và Ủy ban Năng lượng nguyên tử quốc tế (IAEA) đã đánh giá cao ích lợi và hiệu quả của việc ứng dụng ĐVPX trong y học.

Sử dụng ĐVPX trong lâm sàng được thực hiện tại nhiều nước trong nhiều thập niên qua đã chứng tỏ mức độ an toàn của nó. Trong chẩn đoán bằng ĐVPX, người bệnh đã chịu một liều bức xạ thấp hơn nhiều so với các xét nghiệm X-quang thông thường.

Về ý nghĩa kinh tế, việc sử dụng ĐVPX trong nghiên cứu, thực hành y học không phải là một thứ xa hoa đắt tiền, trái lại đã tiết kiệm được thời gian, công sức, tiền của và nếu được đầu tư, tổ chức hợp lý thì đây là những phương pháp nhanh, chính xác và rẻ.

Ở nước ta, từ khi Lò phản ứng hạt nhân Đà Lạt chính thức hoạt động, việc nghiên cứu điều chế các ĐVPX và dược chất phóng xạ bắt đầu hình thành và phát triển. Tại thời điểm đó (năm 1984), cả nước chỉ mới có 2 khoa Y học hạt nhân tại Bệnh viện Chợ Rẫy và Bệnh viện Bạch Mai. Đến nay, cả nước đã có 30 khoa với nhiều thiết bị hiện đại như Gamma - Camera, SPECT cho phép chẩn đoán nhanh, chính xác hầu hết các cơ quan trong cơ thể cũng như điều trị đặc hiệu các bệnh ung bướu.

Tại Viện Nghiên cứu hạt nhân, việc nghiên cứu sản xuất các ĐVPX đã được hình thành và phát triển từ hơn 20 năm qua nhằm phục vụ cho các lĩnh vực kinh tế quốc dân, đặc biệt

là trong y học để chẩn đoán và điều trị bệnh.

Tới nay, Trung tâm nghiên cứu và điều chế đồng vị phóng xạ - Viện Nghiên cứu hạt nhân đã nghiên cứu và sản xuất thành công hơn 30 chủng loại ĐVPX và dược chất đánh dấu khác nhau như: Iod-131 ( $I^{131}$ ), Molibdenum-99 ( $Mo^{99}$ ), Technitium-99m ( $Tc^{99m}$ ), Phosphorous-32 ( $P^{32}$ ), Chromium-51 ( $Cr^{51}$ ), Samarium-153 ( $Sm^{153}$ ), Iridium-192 ( $Ir^{192}$ ), Hippuran- $I^{131}$ , MIBG- $I^{131}$ ... Các hợp chất đánh dấu (invivo, invitro kit).

Hàng tháng, hơn 30.000 mCi chất phóng xạ đã được Viện cung ứng để sử dụng trong các khoa Y học hạt nhân ở Việt Nam, trong đó  $I^{131}$  và  $P^{32}$  là hai sản phẩm chủ lực.

Tại Viện Nghiên cứu hạt nhân,  $I^{131}$  được điều chế dưới 2 dạng: dạng dung dịch và dạng viên nang.

- Dung dịch  $I^{131}$  (NaI) được điều chế bằng phương pháp chưng cất khô, bia được chiếu xạ neutron để điều chế  $I^{131}$  là  $TeO_2$  trong lò chưng cất bằng thạch anh  $800^\circ C$ . Ở nhiệt độ này,  $I^{131}$  được tách ra và vận chuyển theo luồng khí tới bể chứa dung dịch đệm  $NaHCO_3/Na_2CO_3$  hoặc  $NaOH$  0,02N. Hơn 95% Iod phóng xạ tồn tại dưới dạng anion ( $NaI^{131}$ ).

- Viên nang  $I^{131}$  được điều chế bằng cách làm bay hơi dung dịch  $NaI^{131}$  trong vỏ viên nang (loại dùng để sản xuất các loại thuốc uống thông thường) trong chân không với tá dược là hỗn hợp  $Na_2HPO_4 \cdot 2H_2O$ ,  $Na_2S_2O_3$  và axit L-ascobic. Mỗi viên nang chứa trung bình 400 mg tá dược với hoạt độ phóng xạ riêng từ 0,1-100 mCi, tùy theo mục đích chẩn đoán hay điều trị.

Năm 1986, dưới sự tài trợ của Cơ quan Năng lượng nguyên tử quốc tế (IAEA), Viện



### Iod không phóng xạ

Iod là vi chất dinh dưỡng rất cần thiết cho phát triển của cơ thể, cần cho tổng hợp hormone tuyến giáp để điều hòa sự phát triển của cơ thể, duy trì thân nhiệt, phát triển xương, quá trình biệt hóa, phát triển của não và hệ thần kinh trong thời kỳ bào thai.

Mặc dù chỉ là một vi chất có mặt trong cơ thể với một lượng rất nhỏ nhưng iod lại có vai trò hết sức quan trọng. Thiếu iod sẽ dẫn đến thiếu hormone tuyến giáp và gây ra nhiều rối loạn khác: bướu cổ, rối loạn bệnh lý như sảy thai, thai chết lưu, khuyết tật bẩm sinh, thiếu năng trí tuệ, đần độn, cơ thể chậm phát triển, mệt mỏi, giảm khả năng lao động...

### Đồng vị phóng xạ Iod-131 ( $^{131}\text{I}$ )

$^{131}\text{I}$  là một đồng vị phóng xạ của iod.  $^{131}\text{I}$  phân rã với chu kỳ bán rã 80.197 ngày. Hạt nhân của nguyên tử iod này có 78 neutrons, hạt nhân bền  $^{127}\text{I}$  có 74 neutrons. Bằng việc phân rã  $\beta^-$ ,  $^{131}\text{I}$  chuyển thành đồng vị bền  $^{131}\text{Xe}$ . Trong quá trình phân rã,  $^{131}\text{I}$  phát tia gamma ( $\gamma$ ) có năng lượng 364 keV (81%) và phát tia beta ( $\beta^-$ ) có năng lượng 606 keV (89%).

Trên thế giới,  $^{131}\text{I}$  đã được điều chế và ứng dụng từ năm 1950. Người ta điều chế  $^{131}\text{I}$  bằng 2 cách:

$^{131}\text{I}$  được tách từ sản phẩm phân hạch của uranium-235 hiệu suất 2.8336%.

$^{131}\text{I}$  được tạo ra bằng cách kích hoạt neutron  $^{130}\text{Te}$  (phương pháp này được sử dụng tại Lò phản ứng hạt nhân Đà Lạt).

### Một số ứng dụng quan trọng của Iod-131

Iod phóng xạ đã được sử dụng khoảng 60 năm nay để điều trị các bệnh về tuyến giáp như bướu giáp cục nhiễm độc, Basedow, ung thư giáp. Năm 1995, Đại học y Hoàng gia Luân Đôn, Anh đã đưa ra những hướng dẫn nhằm giúp việc sử dụng iod phóng xạ hiệu quả. Tuy nhiên, từ đó đến nay đã có nhiều thay đổi về luật pháp, hiểu biết mới về tác dụng của iod phóng xạ, các bằng chứng về tác dụng phụ.

Mới đây, các bác sĩ thuộc trường đại học danh tiếng trên đã đưa ra những hướng dẫn mới phù hợp hơn. Theo họ, việc chẩn đoán và điều trị bằng iod phóng xạ là một biện pháp an toàn và hiệu quả.

#### + Trong chẩn đoán

Là một hợp phần của tuyến giáp nên mọi ứng dụng của  $^{131}\text{I}$  liên quan trực tiếp đến tuyến giáp.  $^{131}\text{I}$  chủ yếu chẩn đoán rối loạn tuyến giáp trạng. Đo độ tập trung  $^{131}\text{I}$  ở tuyến giáp để xác định tốc độ và mức độ bắt iod của tuyến giáp. Ghi hình tuyến giáp để chẩn đoán các bướu thể nhân ung thư tuyến giáp, phát hiện các di căn ung thư tuyến giáp cũng như xác định vị trí của tuyến giáp lạc chỗ.

Khi đánh dấu với các hợp chất hữu cơ,  $^{131}\text{I}$  làm vai trò chất chỉ thị phóng xạ có thể chẩn đoán hầu hết các chức năng trong cơ thể người.

#### + Trong điều trị

Điều trị bệnh bướu giáp cục nhiễm độc tuyến giáp và ung thư tuyến giáp.

Điều trị các bệnh tuyến giáp, chủ yếu là bệnh Basedow.

Điều trị ung thư tuyến thượng thận (MIBG- $^{131}\text{I}$ )

Nghiên cứu hạt nhân tiếp nhận một dây chuyền sản xuất I-131. Sau hơn 20 năm hoạt động và khai thác tối đa, cùng với nhu cầu ngày càng tăng cả về số lượng lẫn chất lượng, dây chuyền này đã không còn đáp ứng được các điều kiện mới như công suất, nhất là các điều kiện an toàn bức xạ.

Năm 2006, Viện Nghiên cứu hạt nhân đã thiết lập dự án tăng cường trang thiết bị mới phù hợp với nhu cầu phát triển. Tháng 8/2008, dây chuyền sản xuất mới đã chính thức được đưa vào hoạt động. Dây chuyền được nhập khẩu từ Đức do Tập đoàn ITD sản xuất phù hợp tiêu chuẩn German Standard DIN ISO 9001:2000. Dây chuyền được thiết kế, lắp ráp trên công nghệ hiện đại, tự động hóa các công đoạn chính của quy trình sản xuất, bảo đảm tiêu chuẩn GMP về thực hành sản xuất dược phóng xạ của WHO/IAEA. Đây là dây chuyền duy nhất tại Việt Nam hoạt động theo nguyên tắc chung cất khô, bảo đảm độ an toàn bức xạ cao.

Về thiết bị công nghệ, dây chuyền bao gồm 2 box thép không gỉ: 1 box chung cất điều chế và 1 box phân chia sản phẩm, hoạt động trong điều kiện áp suất âm, có trang bị các lọc khí vào ra bằng than hoạt tính, luôn bảo đảm độ tinh khiết khí thải ra môi trường.

Các box được đặt trong khung che chắn chì dày 7,5-10 cm tùy theo mặt tiếp xúc với người điều khiển trực tiếp hay gián tiếp, thường xuyên hay không thường xuyên.

Vì được đặt trong khung chì khép kín nên các thao tác bên trong box được điều khiển thông qua hệ thống cánh tay đẩy, hoạt động cơ động như một robot điều khiển trực tiếp, quan sát bên trong bằng hệ thống kính chì dày 23 cm với sự hỗ trợ của camera chuyên dùng.

Bên trong box điều chế được trang bị một bộ chung cất bằng thạch anh cho phép điều chỉnh nhiệt độ bay hơi lên đến

(Xem tiếp trang 22)



## CÔNG NGHỆ CÀN BÁN

---

### CÔNG NGHỆ CHẾ TẠO MỒI NHỪ VÀ BẤY PHEROMON DIỆT TRỪ SÂU HẠI TRÊN RAU MÀU VÀ CÂY ĂN TRÁI

**Mô tả quy trình CN/TB:**

Quy trình công nghệ được xây dựng bao gồm các công đoạn sau:

Chế tạo mồi nhừ pheromon và chế tạo bẫy bắt bướm diệt trừ các loại sâu, bọ hại cây trồng. Hiện nay có thể chế tạo được mồi nhừ và bẫy bắt bướm các loài sâu hại sau: Sâu tơ (*Plutella xylostella*), Sâu xanh (*Heliothis armigera*), Sâu khoang (*Spodoptera litura*), Sâu xanh da láng (*Spodoptera exigua*) và Bọ hà khoai lang (*Cylas formicarius*).

**Công suất (tính theo ca):** 1.000 bẫy/ngày

**Tiêu chuẩn đạt được:** TCVN

**Xuất xứ của CN/TB:** Là kết quả của đề tài nghiên cứu cấp Bộ, cấp cơ sở

**Lĩnh vực áp dụng:**

6837: Bảo vệ cây trồng

**Ưu điểm của CN/TB:** Phù hợp với điều kiện sản xuất hiện nay, tiết kiệm ngoại tệ. Phục vụ nhu cầu xây dựng nền nông nghiệp sạch, bền vững. Hạn chế tối đa việc sử dụng các loại thuốc trừ sâu độc hại, phòng chống ô nhiễm môi trường và ngộ độc thực phẩm

**Phương thức chuyển giao:** Chuyển giao bí quyết; Thỏa thuận với khách hàng

**Chào giá tham khảo:** Giá bán công nghệ: 250 triệu đồng; Giá bán thiết bị: 550 triệu đồng; Phí đào tạo: 50 triệu đồng; Phí chuyển giao bí quyết: 50 triệu đồng; Phí tư vấn kỹ thuật: 50 triệu đồng; Chi phí khác: 50 triệu đồng

**Đơn vị chào bán:** Phân viện Hóa học các hợp chất thiên nhiên

### CÔNG NGHỆ SẢN XUẤT CHẾ PHẨM THUỐC TRỪ SÂU SINH HỌC BT CHỐNG BỆNH THỰC VẬT DO VI SINH VẬT BẰNG BIỆN PHÁP SINH HỌC

**Xuất xứ của CN/TB:** Từ đề tài nghiên cứu Cấp nhà nước

**Lĩnh vực áp dụng:**

6137: Công nghệ các chất và sản phẩm hữu cơ

6147: Công nghệ các chất thơm

68: Nông nghiệp và lâm nghiệp

**Ưu điểm của CN/TB:** Có thể thực hiện được tại địa phương, dễ áp dụng.

**Mức độ phát triển:** Sản xuất thử nghiệm

**Phương thức chuyển giao:** Thỏa thuận với khách hàng; Đào tạo

**Hình thức cung cấp:** Bán trực tiếp theo hợp đồng

**Đơn vị chào bán:** Trường Đại học Khoa học Tự nhiên



## HỘI NGHỊ QUỐC TẾ VỀ CHỌN GIỐNG ĐỘT BIẾN BẰNG KỸ THUẬT HẠT NHÂN VÀ CÔNG NGHỆ SINH HỌC

PGS.TS LÊ XUÂN THẨM

Sở Khoa học Công nghệ Lâm Đồng

HỒ QUANG CUA

Sở Nông nghiệp Phát triển nông thôn Sóc Trăng

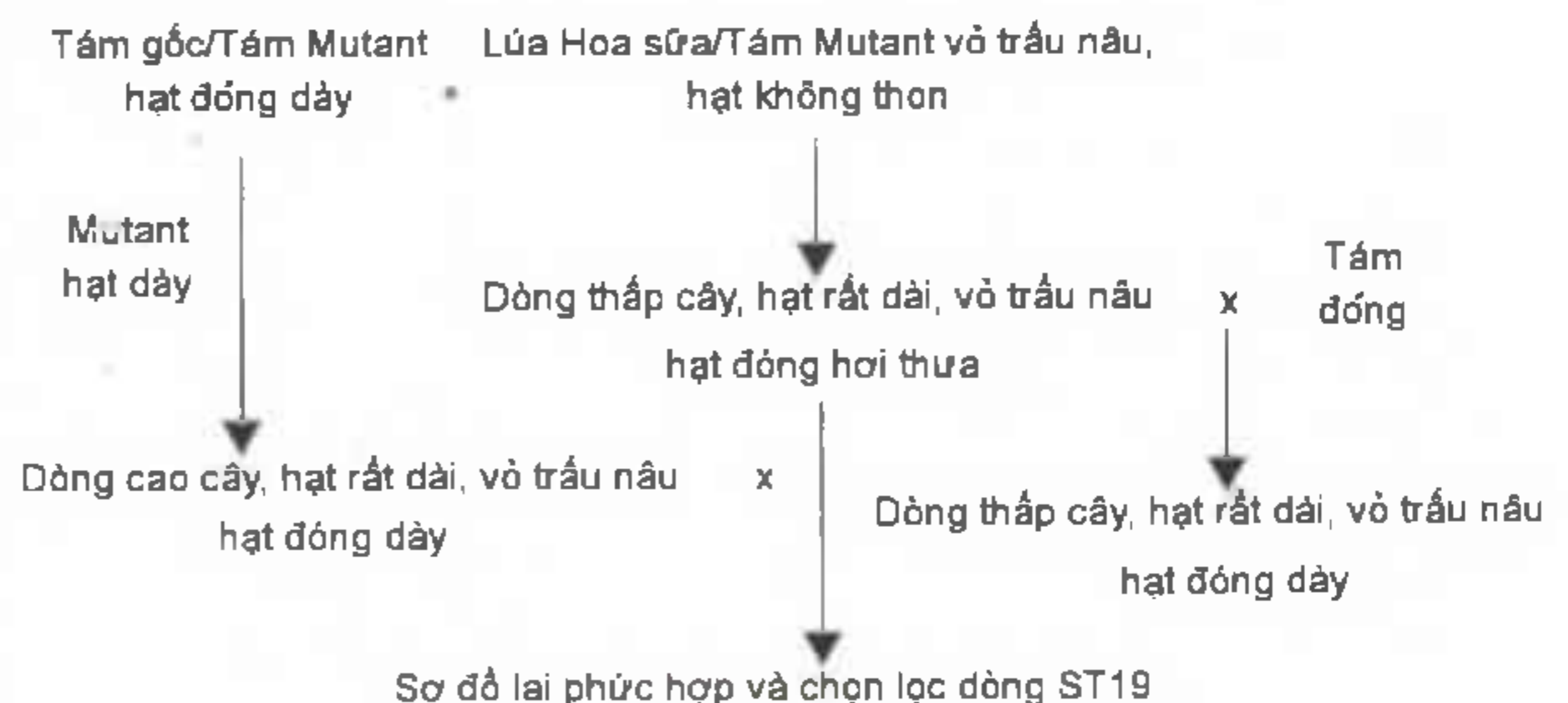
Trong khuôn khổ diễn đàn hợp tác hạt nhân châu Á, mới đây, tại Đà Lạt đã diễn ra hội nghị quốc tế (FNCA) về Chọn giống đột biến (*Mutation Breeding*) với sự tham gia của 8 nước vùng châu Á là Nhật Bản, Trung Quốc, Việt Nam, Thái Lan, Malaysia, Indonesia, Philippines và Bangladesh. Chủ đề của hội nghị tập trung vào ứng dụng kỹ thuật hạt nhân và công nghệ sinh học trong gây tạo và chọn giống cây trồng. Đây là hội nghị thường niên, được tổ chức để giới thiệu những thành tựu trong lĩnh vực tạo giống bằng đột biến và định ra chương trình hợp tác nhằm giải quyết những vấn đề cần nghiên cứu trong lĩnh vực tạo giống ở các nước trong khu vực. Các báo cáo hết sức thời sự về khoa học chọn giống cơ bản và ứng dụng rộng rãi trên thế giới (5 báo cáo đề dẫn và chuyên đề của các nhà khoa học Nhật Bản, 8 báo cáo đại diện của các nước về đột biến trên lúa, chuối và hoa lan), góp phần thiết thực vào an ninh lương thực và chống đói nghèo ở các nước châu Á. Kết quả nghiên cứu mới nhất và các kinh nghiệm thực tế ở mỗi nước được trao đổi, chia sẻ khoa học và nghiêm túc.

Các nhà khoa học Việt Nam tham gia hội nghị với 8 báo cáo quan trọng: *Tổng quan chương trình của Chính phủ về ứng dụng năng lượng nguyên tử trong sinh học - nông nghiệp ở Việt Nam* của PGS.TS. Lê Huy Hàm, Viện trưởng Viện Di truyền Nông nghiệp; *Công nghệ sinh học và đột biến trong chọn giống lúa năng suất cao* của GS.TS. Bùi Chí Bửu, Viện trưởng Viện Khoa học Nông nghiệp miền Nam; *Đột biến genes chịu hạn ở lúa* của PGS.TS. Nguyễn Đức Thành, Viện Công nghệ sinh học

quốc gia; *Chọn giống lúa đột biến chất lượng cao* của TS. Đỗ Khắc Thịnh, giải thưởng Nhà nước về giống lúa đột biến VN-95-20 (2005). Ngoài ra, báo cáo về *Gây tạo và chọn lọc đột biến trên cây hoa tím "Forget me not" trong hệ In vitro* của TS. Nguyễn Tiến Thịnh, Viện Nghiên cứu hạt nhân Đà Lạt và báo cáo *Tạo mô hình In vitro gây đột biến cho hoa - lan và cây thuốc quý* của TS. Dương Tân Nhật, Viện Sinh học Tây Nguyên cũng gây ấn tượng đặc sắc và rất có triển vọng ứng dụng trong thời gian tới.

Báo cáo phối hợp giữa Sở KH-CN Lâm Đồng và Sở NN-PTNT Sóc Trăng thể hiện những tiên bộ mới trong nghiên cứu chọn tạo giống lúa chất lượng cao bằng lai tỷ hợp phức giữa các dòng đột biến, chỉ ra khả năng và kết quả thực tế tích hợp tốt nhiều tính trạng cải tiến có giá trị kinh tế cao trong những nhóm giống mới: nhóm lai phức hợp đột biến hạt dài trong suốt (từ ST1 đến ST21) và nhóm lai phức hợp cho gạo lúc đỏ (9 dòng Red ST).

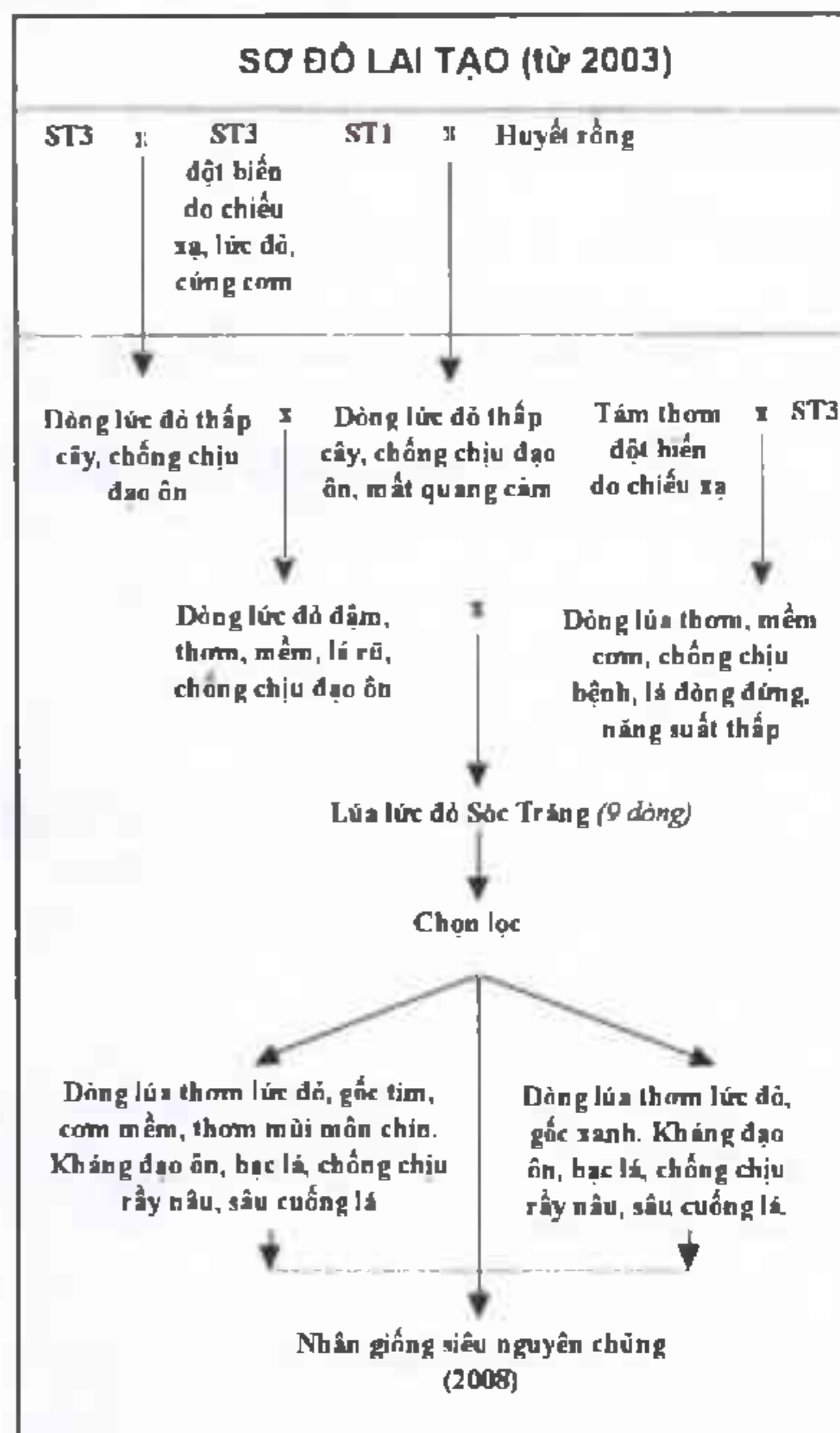
Dưới đây là sơ đồ lai phức hợp và chọn lọc dòng ST19 (đang khảo nghiệm diện rộng): đột biến dạng hạt dài được đánh giá cao tại hội nghị, có liên hệ chặt với kết quả mới nhất của các nhà khoa học Mỹ tại Đại học Pennsylvania (*Nature-Genetics online, 10/2008*).





Chín dòng Red ST chọn lọc đạt đến ổn định có nhiều đặc tính tích hợp các tính trạng đột biến quý. Theo kết quả phân tích các dòng ST vỏ cám đỏ đều có hàm lượng protein khá cao (9-11%), phẩm chất cơm ngon với lượng amylose khá thấp (12-13%, chỉ riêng dòng R 75-747 cao tới ~20%). Đây có thể coi là những đột phá về chọn tạo các giống lúa cho gạo lúc phẩm chất cao, phù hợp cho tiêu chuẩn thực phẩm chức năng.

Kết quả phân tích tại Viện Nghiên cứu hạt nhân Đà Lạt cho thấy cả 9 dòng này đều có hàm lượng sắt (Fe) trong hạt cao. Theo Bùi Bá Bông (2001), qua nghiên cứu sàng lọc hàng chục giống lúa ở Việt Nam cho thấy hầu hết đều nghèo sắt (dưới 9 ppm). Ngay giống chuẩn giàu sắt của IRRI IR 68144 cũng chỉ chứa ~15 ppm - tương đương với 3 dòng lai phức có mức tích tụ sắt thấp nhất (15-19 ppm) trong nghiên cứu này. Còn lại 6 dòng khác có hàm lượng sắt cao hơn nhiều (~22 ppm Fe). Đặc biệt 2 dòng R 857-821 và R 76-696 đạt tới >44 và >65 ppm Fe tổng số trong hạt gạo (phân tích tại Canada cho kết quả >70 ppm Fe). Hàm lượng lân (P) trong hạt khá cao (tương ứng >5900 và >4700 ppm). Cần phải theo dõi và kiểm chứng các kết quả này vì ngay ở lúa được chuyển gene ferritin (từ cây đậu) cũng chỉ cho mức tích tụ Fe ~22 ppm mà thôi (Potrykus et al., 1999).



Sơ đồ lai phức hợp tạo các dòng Red ST ở Sóc Trăng

Dòng Red ST	Thành phần dinh dưỡng			
	*Amylose (%)	*Protein (%)	**Fe (ppm)	**P (ppm)
R 110-765	13.40	10.87	14.6	2485
R 34 RD-840	13.66	9.76	24.8	4906
R 35 RD-869	12.49	11.23	19.8	5469
R 75-797	13.13	9.63	21.8	3485
R 76-696	13.12	10.32	<u>65.1</u>	<u>4766</u>
R 75-747	20.32	8.89	15.7	3688
R 51-723	13.09	9.80	25.8	4641
R 857-821	14.29	9.96	<u>44.3</u>	<u>5985</u>
R 8-786	13.69	<u>9.84</u>	22.2	3516

Hàm lượng dinh dưỡng và khoáng các dòng ST đỏ

\*Phân tích tại Đại học Cần Thơ

\*\*Phân tích tại Viện Nghiên cứu hạt nhân Đà Lạt



Đây là những kết quả chính trong cum công trình được tặng thưởng Huân chương Lao động Nhà nước hạng II và hạng III năm 2007-2008. Trong đó 6 dòng triển vọng đã được chuyển giao cho Trung tâm Khuyến nông Lâm Đồng để khảo nghiệm vùng.

Đại diện nhóm nghiên cứu đã được Ủy ban Năng lượng nguyên tử Nhật Bản (JAEA) mời sang Tsukuba và Takasaki dự hội nghị Hợp tác ứng dụng máy gia tốc ion chiều xạ chọn giống (18-22/01/2009) và chiếu xạ lúa Việt Nam gây đột biến chọn tạo giống mới.



## ABC ĐÀ LẠT (bổ sung)

### NGUYỄN HỮU TRANH

#### NGÔ THÌ SĨ

\* Tên một con đường dài 1.080 m, lộ giới: 14m, từ đường Pasteur đến đường Huyền Trân Công Chúa ở phường 4. Tên đường được đặt từ năm 2002.

\* Ngô Thị Sĩ (hiệu là Ngọ Phong) sinh ngày 15/10/1726 tại làng Tả Thanh Oai, trấn Sơn Nam (nay thuộc tỉnh Hà Tây) trong một gia đình nổi tiếng thi thư.

Thuở nhỏ, vì cha mất sớm, Ngô Thị Sĩ được ông nội chăm sóc dạy dỗ. Ông học giỏi nhưng thi cử lận đận, mãi đến năm 1766 mới đỗ Hoàng giáp. Ông liên tiếp làm quan ở nhiều nơi: Thái Nguyên, Thanh Hóa, Nghệ An, Lạng Sơn.

Ông đã đề nghị với chúa Trịnh chấn chỉnh thi cử, sửa đổi chính sách thuế khóa, chiêu tập nông dân phiêu bạt về khai hoang, hạn chế việc nhà giàu chiếm đoạt ruộng đất, nghiêm trị bọn quan lại hà hiếp dân, phòng thủ biên giới... Ông đặc biệt thông cảm và dành nhiều ưu ái cho tầng lớp học trò và nông dân.

Ông là một trí thức có nhiều hoài bão. Ông sáng lập *Ngô gia văn phái*, biên soạn *Việt sử tiêu án*, *Đại Việt sử ký tiền biên*, một phần *Đại Việt sử ký tục biên*, *Ngọ phong văn tập*. Ông còn sáng tác tập thơ *Khuê ai lục* và nhiều bài thơ đề vịnh ca ngợi cảnh đẹp của quê hương, đất nước.

Ông mất ngày 22/10/1780 tại Lạng Sơn.

#### NGÔ VĂN SỞ

\* Tên một con đường dài 1.040 m, lộ giới: 12m, nối với đường Chi Lăng ở phường 9. Tên đường được đặt từ năm 2002.

\* Ngô Văn Sở (Ngô Hồng Chấn, Ngô Văn

Tàng) sinh tại làng Trảo Nha, huyện Thạch Hà, phủ Hà Hoa (nay là thị trấn Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh).

Năm 1787, ông về với Tây Sơn.

Cuối năm 1787, ông và Phan Văn Lân mang quân ra Nghệ An, hợp cùng Vũ Văn Nhậm tiến ra Bắc diệt Nguyễn Hữu Chỉnh và các thế lực Lê - Trịnh chống đối.

Năm 1788, ông được Nguyễn Huệ phong làm Đại tư mã kiêm Tổng trấn Bắc Hà.

Năm 1788, 29 vạn quân Thanh xâm lược Việt Nam, ông cùng Ngô Thị Nhậm, Phan Huy Ich đem quân rút vào phòng thủ tại phòng tuyến Tam Điệp để bảo toàn lực lượng.

Năm 1789, trong chiến dịch tổng tấn công quân Thanh, Quang Trung chia binh lực ra làm 5 đạo. Đạo Trung quân do Quang Trung chỉ huy, có Ngô Văn Sở, Phan Văn Lân làm tướng tiên phong đánh vào mũi Hà Hồi, Ngọc Hồi. Ngô Văn Sở có sáng kiến cho làm những cái "mông xung", trong đựng cỏ rơm, cao 5 thước, dài 15 thước, hễ ra trận thì mang đi che đàng trước chống tên đạn.

Năm 1790, ông được giao chỉ đạo sứ đoàn của "Vua Quang Trung" giả sang Trung Quốc để làm công tác ngoại giao.

Năm 1795, do đấu tranh nội bộ trong triều Tây Sơn, ông bị Vũ Văn Dũng lập mẹo bắt đưa về Phú Xuân, rồi vu cho ông có mưu phản, đóng cũi nhốt và đem đim xuống sông Hương.

#### NGUYỄN PHI Ý LAN

\* Tên một con đường dài 720 m, lộ giới: 14m, từ đường Thánh Mẫu đến đường Châu Văn Liêm ở phường 7. Tên đường được đặt từ năm 2002.

\* Lê Thị Khiết quê ở làng Thổ Lỗi (huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội), là một thôn nữ xinh đẹp, khéo léo trong công việc nuôi tằm, dệt lụa.

Năm 1062, vua Lý Thánh Tông đi ngang qua làng trên đường đến chùa Dâu để cầu tự. Cô Khiết ngừng tay hái dâu đến nép bên gốc lan nhìn ra. Nhà vua ngỡ ngàng trước người con gái xinh đẹp, nét na nên quyết định cưới cô làm vợ, phong cô lên hàng phi và dành



một cung điện đặt tên là Ý Lan (dựa vào cây lan).

Năm 1066, Ý Lan sinh thái tử Càn Đức và được phong làm Nguyên phi, đứng đầu các hàng phi trong cung.

Năm 1069, vua Lý Thánh Tông cùng Lý Thường Kiệt lên thuyền tiểu phật vương quốc Chăm-pa, trao quyền trị nước cho Ý Lan, cử Lý Đại Thành làm phụ chính. Thấy chiến sự kéo dài, nhà vua quyết định tạm lui binh, nhưng trên đường về, nghe tin Ý Lan được nhân dân ca ngợi về tài trị nước, an dân nên nhà vua quay lại tiếp tục chiến đấu, bắt sống được vua Chăm là Chế Củ.

Năm 1072, vua Lý Thánh Tông đột ngột băng hà, triều thần tôn thái tử Càn Đức lên làm vua, tức vua Lý Nhân Tông. Bốn tháng sau, Lý Nhân Tông tôn Ý Lan làm Linh Nhân Hoàng thái hậu, thăng Lý Thường Kiệt lên làm Tể tướng. Ý Lan đã đem hết tâm trí giúp con xây dựng nước Đại Việt hưng thịnh, nhân dân sống trong cảnh thái bình.

Năm 1117, Ý Lan từ trần, được hỏa táng ở Thọ Lăng (đền Lý Bát Đế ở tỉnh Bắc Ninh ngày nay).

### NGUYỄN THÔNG

Nguyễn Thông (1827-1884), tự là Hi Phần, hiệu Kỳ Xuyên, quê làng Bình Thanh, huyện Tân Thanh, tỉnh Gia Định (nay thuộc huyện Vàm Cỏ, tỉnh Long An).

Năm 1849, ông đậu cử nhân và nhận chức huân đạo huyện Phú Phong (An Giang).

Năm 1862, là đốc học Vĩnh Long, ông theo dõi giúp đỡ cuộc kháng chiến chống Pháp của Trương Định.

Năm 1868, ba tỉnh miền Tây bị mất, ông tị địa ra Bình Thuận, lập nên "Đồng Châu xã" - một tổ chức của những người đồng hương Nam Kỳ.

Khi làm án sát Khánh Hòa, ông đã đề nghị vua Tự Đức chọn người hiền tài, trừ bọn tham quan, ô lại, tăng cường võ bị, cải tiến thuế má, khoan thư sức dân... Trong ba năm làm bố chánh Quảng Ngãi, ông hô hào nhân dân đào kênh, đắp đập, làm thủy lợi.

Năm 1877, ông lại về Bình Thuận nhận chức Dinh điền sứ.

Nguyễn Thông đã để lại nhiều bài thơ yêu nước, trong đó có một số bài viết về miền núi tỉnh Bình Thuận và phía nam tỉnh Lâm Đồng (vùng sông La Ngà). Dựa vào một số câu thơ và một đoạn văn trong bài *Khai sơn quốc nghị*, một số tác giả suy diễn Nguyễn Thông đã lên Đà Lạt.

Theo *Ngọa du sào thi văn tập*, Nguyễn Thông cho biết: trong thời gian làm Dinh điền sứ tỉnh Bình Thuận, ông đã tổ chức thám hiểm vùng đất giữa ba con sông: La Ngà, Đa Huoai và Đồng Nai với dự định lập đồn điền khai khẩn vùng thượng du. Ông đã phái Nguyễn Văn Tri, Sĩ Văn Long, Dương Văn Long và Hoàng Phú đến sông Đa Đòng để xem xét tình thế. Trong tờ sớ dâng lên vua Tự Đức ngày 11 tháng 8 năm Tự Đức thứ 30 (17/9/1877), ông viết:

*"Ngày mùng 8 tháng 6 thì đến sông lớn Đa Đung, rộng khoảng năm sáu mươi trượng, nước đục ngầu, giữa có đảo dài. Người Man gọi nước là "đạ", lớn là "đung", cũng như người Việt nói là "sông lớn". Đa Đung, người Việt gọi là sông Dã Dương, hạ lưu là sông lớn Thần Quy. Từ sách Man Mê-pu đi đến sông Tô Sạ, dọc đường phần nhiều là núi cao, từ Côn Hiên đến sông Đa Đung đều là đất bằng, địa thế rộng rãi, khoáng khoáng, có thể khám xét để lập đồn điền khẩn hoang."* ■

### TỰ LIỆU THAM KHẢO

Cao Tự Thanh - Đoàn Lê Giang. *Tác phẩm Nguyễn Thông*. Sở Văn hóa - Thông tin Long An, 1984.

Đình Xuân Lâm - Chương Thâu. *Danh nhân lịch sử Việt Nam*. Nxb Giáo dục, Hà Nội, 1988.

Nguyễn Lang. *Việt Nam Phật giáo sử luận*. Nxb Văn học, Hà Nội, 1992.

Tôn Nữ Quỳnh Trân. *Ý Lan Nguyên Phi*. Nxb Trẻ, TP Hồ Chí Minh, 2005.

Trần Quốc Vượng - Nguyễn Từ Chi - Nguyễn Trần Đản. *Nghìn xưa văn hiến*. Nxb Kim Đồng, Hà Nội, 2003.

Ngô Thị Sĩ. Wikipedia.

Ngô Văn Sở. Wikipedia.



## NHỮNG CÂY HOA LÀM THUỐC

DS. NGUYỄN THỌ BIÊN



Bông giấy

### BÔNG GIẤY

Còn gọi là hoa Giấy, Biện lý

Tên khoa học: *Bongainvillea brasiliensis* Raeusch

Thuộc họ: Hoa phân (*Nyctaginaceae*)

Nguồn gốc ở châu Mỹ (Brazil).

**Mô tả:** Cây to, gai ở nách lá. Cụm hoa xim 3 hoa, mỗi cái gắn trên 1 lá bắc trắng, màu vàng, cam, hồng, trắng. Ra hoa vào mùa khô.

**Bộ phận dùng:** Rễ, lá, hoa.

**Thành phần hóa học:** Rễ chứa protein, lá chứa pinitol.

**Công dụng:** Hoa có vị đắng, mặn, tính ấm. Hoa có tác dụng điều hòa khí huyết dùng trị xích bạch đới, kinh nguyệt không đều, ngày dùng 10-15 g sắc uống. Rễ có tác dụng chống siêu khuẩn, lá làm hạ đường huyết ở chuột.

### BÔNG TRANG

Còn gọi là Đơn đỏ, Long thuyền hoa, Nam mẫu đơn, Trang sơn

Tên khoa học: *Ixora Cocinea* L.

Thuộc họ: Cà phê (*Rubiaceae*)

Nguồn gốc ở Srilanca, Ấn Độ.

**Mô tả:** Cây bụi, lá thuôn dài, không cuống. Cụm hoa màu đỏ tươi.

**Bộ phận dùng:** Rễ, thân, lá, hoa.

**Công dụng:** Toàn cây có tác dụng chữa bệnh cao huyết áp, giảm đau, giảm sưng, chữa

ho, làm long đờm, chữa phong thấp ngày dùng 20-30 g sắc uống.

Vỏ rễ có tác dụng lợi tiểu, trị sốt, đái đục, tiết mật, trị ung nhọt, kiết lỵ. Hoa, lá trị kiết lỵ, viêm phế quản, khí hư, ngoài ra còn chữa mẩn ngứa. Dùng riêng hoặc phối hợp Ké đầu ngựa, Đơn tương quân. Ngày dùng 20-30g sắc uống. Chữa vết thương nhiều mù nâu rễ sắc uống và dùng nước tắm gạc đắp lên vết thương.

#### Một số bài thuốc:

Long đờm giảm ho: rễ và hoa bông Trang 30 g, rau Húng chanh 30 g, lá Táo chua 30 g. Sắc uống.

Chữa phong thấp: rễ bông Trang 20 g, Rễ cây Nhàu 30 g, Thiên niên kiện 30 g, Bạch chi 20 g, Đương quy 10 g. Sắc uống trong ngày.

Giảm huyết áp: rễ bông Trang 20 g, Hạ khô thảo 10 g, Dã cúc hoa 10 g, Quyết minh tử 10 g. Sắc uống trong ngày.

Ngoài ra còn cây bông Trang trắng, tên khoa học là *Psychotris reevesii* Walt, thuộc họ Cà phê. Dùng rễ, lá chữa đau răng, viêm tai, băng huyết, đái ra máu. Ngày dùng 10-20 g sắc uống. Dùng ngoài giã nhỏ đắp vết thương, chữa vết loét. ■



Bông trang



## “KHẢO SÁT NĂNG LỰC CẠNH TRANH CÁC DOANH NGHIỆP LÂM ĐỒNG”

**NGUYỄN HỮU NAM**

*Sở Khoa học và Công nghệ Lâm Đồng*

Trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, các doanh nghiệp (DN) Việt Nam nói chung và DN tỉnh Lâm Đồng nói riêng đang phải đối diện với nhiều khó khăn về khả năng tiếp cận thông tin thị trường, nguồn nhân lực, tài chính và công tác quản trị DN. Nhất là khả năng cạnh tranh với các DN, công ty có đầu tư nước ngoài về năng lực tài chính, nhân lực, công nghệ, khả năng marketing... Trong bối cảnh đó, sự tồn tại hay đào thải, phát triển hay tụt hậu của một DN sẽ tùy thuộc vào những giải pháp và bước đi thích hợp để giải phóng sức mạnh nội sinh và tăng cường năng lực cạnh tranh. Ở cấp độ DN, năng lực cạnh tranh thể hiện thông qua một số yếu tố cơ bản như: năng suất, chất lượng, hiệu quả và khả năng chiếm lĩnh thị trường. Năng lực cạnh tranh của một DN là nền tảng giúp DN tồn tại và hoạt động có hiệu quả trong môi trường cạnh tranh. Việc đánh giá đúng năng lực cạnh tranh của DN mang ý nghĩa sống còn đối với mỗi DN.

Đề tài “*Khảo sát năng lực cạnh tranh của các DN trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng*” của Khoa Quản trị kinh doanh, Trường Đại học Đà Lạt góp phần đánh giá thực trạng và đề xuất một số giải pháp để giúp các DN Lâm Đồng xây dựng cho mình một năng lực cạnh tranh bền vững để hội nhập nền kinh tế trong nước và quốc tế.

Mục tiêu nghiên cứu của đề tài nhằm khảo sát thực trạng năng lực cạnh tranh của các DN thuộc 3 nhóm ngành là Ngân hàng, Du lịch - Dịch vụ; Sản xuất và chế biến nông sản. Đề xuất những giải pháp nhằm giúp các nhà quản lý và DN xây dựng chính sách, nâng cao năng

lực cạnh tranh phù hợp với xu hướng phát triển của nền kinh tế trong nước và hội nhập quốc tế.

Đề tài đã tiến hành nghiên cứu với các nội dung sau:

- Xây dựng bộ tiêu chí đánh giá năng lực cạnh tranh cấp DN về năng lực cạnh tranh khoa học công nghệ, tài chính; nguồn nhân lực; thị trường tiếp thị.

- Khảo sát thực trạng năng lực cạnh tranh của các DN thuộc 3 nhóm trên.

- Đánh giá năng lực cạnh tranh của các DN tương quan với các DN cùng nhóm ngành.

- Đề xuất một số giải pháp để nâng cao năng lực cạnh tranh của các DN trên địa bàn tỉnh.

Qua nghiên cứu, nhóm tác giả đã đưa ra một số nhận định đối với từng ngành như sau:

Ngành ngân hàng trên địa bàn tỉnh có một số thế mạnh như: trình độ ứng dụng công nghệ trong hoạt động là khá tốt, thậm chí là cao hơn so với các ngành nghề sản xuất khác; tỷ lệ nguồn nhân lực qua đào tạo cao hơn so với mặt bằng chung trong ngành. Tuy nhiên, một số điểm yếu mà ngành ngân hàng cần khắc phục để nâng cao khả năng cạnh tranh là: trình độ quản lý theo hệ thống còn hạn chế, chưa tiếp cận được với trình độ quản lý và công nghệ quản lý hiện đại theo tiêu chuẩn quốc tế; việc thu hút nguồn nhân lực mới và đào tạo lại nguồn nhân lực gặp nhiều khó khăn; các chi nhánh ngân hàng thương mại còn thiếu tính đa dạng và chủ động trong phát triển dịch vụ ngân hàng; hoạt động tiếp thị, quảng bá và xây dựng văn hóa DN chưa được triển khai có hiệu quả.



Ngành du lịch - dịch vụ của tỉnh có thể mạnh nhờ đóng trên địa bàn có cảnh quan thiên nhiên đẹp, khí hậu ôn hòa, mát mẻ, có nét đặc trưng về kiến trúc, văn hóa và có thành phố Đà Lạt là điểm du lịch nổi tiếng. Tuy nhiên, một số nguyên nhân chủ quan và khách quan như mùa mưa kéo dài, giao thông chưa thuận lợi, môi trường kinh doanh du lịch chưa phù hợp, chưa xác lập được những đặc trưng của du lịch Đà Lạt so với tiềm năng, dịch vụ du lịch hạn chế... làm cho ngành du lịch - dịch vụ của tỉnh chưa phát triển tương ứng với tiềm năng.

Ngành sản xuất và chế biến nông sản: trình độ công nghệ của các DN nhìn chung ở mức trung bình, một số DN có công nghệ hiện đại lại hầu hết là các DN, công ty có vốn đầu tư của nước ngoài. Sản phẩm chất lượng không cao và thương hiệu chưa nổi tiếng so với các sản phẩm của các tỉnh khác trong khu vực và toàn quốc. Công tác quảng bá còn yếu kém, nhân lực có trình độ không cao, tính ổn định của nguồn nhân lực còn thấp và chưa có sự phối hợp chặt chẽ giữa các DN hoạt động trong cùng nhóm ngành.

Dựa vào kết quả khảo sát và phân tích năng lực cạnh tranh của các DN, đề tài đã đưa ra các nhóm giải pháp về kỹ thuật, công nghệ; tài chính; nhân lực; thị trường và tiếp thị.

#### *Ngành ngân hàng:*

- Nâng cao năng lực tài chính của các ngân hàng thương mại.

- Phát triển mạng lưới và hoạt động marketing theo hướng lấy hiệu quả làm tiêu chí hàng đầu.

- Phát triển nguồn nhân lực

- Nâng cao năng lực quản trị ngân hàng

- Tối ưu hóa, cải tiến các hoạt động kinh doanh truyền thống song song với việc mở rộng nhiều hình thức kinh doanh mới và cung cấp các sản phẩm dịch vụ mới.

#### *Ngành du lịch - dịch vụ:*

- Nâng cao chất lượng sản phẩm - dịch vụ.

- Tập trung phát triển nguồn nhân lực du lịch - dịch vụ.

- Tăng cường sự liên kết của các DN du lịch.

- Cải thiện môi trường kinh doanh du lịch

- Đẩy mạnh công tác hoạch định và quy hoạch du lịch.

- Tăng cường công tác tiếp thị và quảng bá du lịch.

#### *Ngành sản xuất và chế biến nông sản:*

- Giải pháp về kỹ thuật, công nghệ: xây lắp thiết bị, dây chuyền công nghệ sản xuất; nâng cấp, mở rộng nhà kho, nhà xưởng, phòng thí nghiệm và các cơ sở hạ tầng khác; DN nên có kế hoạch quản lý tồn kho và dự trữ tối ưu đối với phân bón, thuốc bảo vệ thực vật sinh học; đầu tư dây chuyền công nghệ có liên quan đến cải tiến chất lượng sản phẩm.

- Giải pháp về tài chính: tiết kiệm các chi phí sản xuất, bán hàng và quản lý DN; phát triển doanh thu, nâng cao khả năng quay vòng vốn kinh doanh; áp dụng các biện pháp quản lý tài chính tối ưu để quản lý hàng tồn kho, tiền mặt, tài sản cố định; thực hiện phân tích tài chính thường xuyên, áp dụng kế toán quản trị trong việc quản lý chi phí, phân tích hoạt động kinh doanh...

- Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực: có kế hoạch cụ thể về đào tạo, huấn luyện nhân viên trong từng thời kỳ; thực hiện các chương trình tham quan và học tập các mô hình sản xuất trà, cà phê, rau, hoa đạt kết quả cao trong và ngoài tỉnh, xây dựng các tài liệu kỹ thuật cho các bộ phận thường xuyên cập nhật và triển khai thực hiện; xây dựng văn hóa DN hiện đại cùng đội ngũ nhân viên giỏi và có đạo đức; thúc đẩy và tăng cường công tác đào tạo huấn luyện, thông tin tuyên truyền, tham quan học tập nhằm nâng cao nhận thức về an toàn và chất lượng sản phẩm nông nghiệp cho nông dân và những nhà sản xuất.

- Giải pháp về thị trường, tiếp thị: quảng cáo; đăng ký sản phẩm chất lượng cao và uy tín thương mại; tham gia hội chợ trong nước và nước ngoài; hội thảo, hội nghị khách

(Xem tiếp trang 20)



# MỘT SỐ HÌNH ẢNH HOẠT ĐỘNG CỦA SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ LÂM ĐỒNG



Hội thảo "Hiệu quả của việc áp dụng ISO 9000 trong cải cách hành chính đối với việc cải thiện môi trường đầu tư tại Lâm Đồng"



Tham gia Techmart Tp. Hồ Chí Minh



Hội thảo quốc tế Chọn giống đột biến FNCA 2008 tại Đà Lạt



Lớp Tập huấn quản lý nhà nước về kinh doanh mũ bảo hiểm





# VIỆN NGHIÊN CỨU HẠT NHÂN ĐÀ LẠT

## TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU & ĐIỀU CHẾ ĐỒNG VỊ PHÓNG XẠ

Center for Research and Production of Radioisotopes (CENRI)

Số 01 Nguyễn Tử Lực - Đà Lạt - Tel: 063.3829438 - Fax: 063.3821107 - E-mail: dongcucbao@hcm.vnn.vn

- Nghiên cứu khoa học thuộc các lĩnh vực hóa phóng xạ, hóa học và sinh hóa. Phát triển và hoàn thiện quy trình sản xuất để triển khai vào ứng dụng thực tiễn
- Điều chế, sản xuất các đồng vị phóng xạ và chất đánh dấu, chế phẩm dùng chẩn đoán và điều trị... phục vụ cho ứng dụng trong y tế và các ngành khác
- Tư vấn kỹ thuật để phát triển các ứng dụng của kỹ thuật hạt nhân và đồng vị phóng xạ
- Chuyển giao công nghệ sử dụng chất phóng xạ và phát triển dịch vụ ứng dụng kỹ thuật đồng vị phóng xạ
- Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ đạt trình độ cao và hợp tác trong, ngoài nước về những lĩnh vực hoạt động



Đơn vị đã 2 lần đạt Cúp vàng Techmart năm 2005 và 2007  
cho các sản phẩm Iod - 131 (I-131); Photpho - 32 (P-32); Technicium - 99m (Tc-99m)